

HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

(DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN QUA MẠNG - MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ)

Số E-TBMT (trên Hệ thống):

Số hiệu gói thầu: DV-1500/26-KT1-VPL

Tên gói thầu: “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL

Địa điểm : Giàn MSP-9 - Vietsovpetro

Chủ đầu tư : Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.

Phát hành ngày : Ngày 13 / 05 / 2026

(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ . 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

	<p>4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà</p>

	<p>nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro.</p> <p>f) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ</p>

	<p>thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm) theo hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8. Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>

<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 E-CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 5 E-CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.9. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.10. Chi tiết E-CDNT từ 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại E-BDL.</p>
<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.</p>
<p>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng</p>

	<p>mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 20 Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-</p>

<p>HSDT</p>	<p>HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) và đính kèm khi nộp E-HSDT phát hành. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL.</p>

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 35 E-CDNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 E-CDNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu, hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSĐT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa

	<p>chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì xử lý như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ tự ưu tiên: Tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu sẽ căn cứ vào thứ tự các phần ghi trong đơn dự thầu (hoặc các phần nhà thầu tham dự). - Cách tính: Bảo đảm dự thầu sẽ được tính lần lượt cho các phần từ trên xuống dưới theo danh sách nhà thầu đăng ký cho đến khi hết giá trị bảo đảm; <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà chủ đầu tư yêu cầu là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù</p>

	<p>hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu</p>

<p>HSDT</p>	<p>của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ</p>

	<p>đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>Chủ đầu tư không cho phép Nhà thầu chính đề xuất sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện bất kỳ một công việc cụ thể nào của gói thầu dịch vụ phi tư vấn sửa chữa giàn cố định của Vietsovpetro khi tham gia đấu thầu.</p> <p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ</p>

	<p>và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu Không áp dụng</p>	<p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi:</p> <p>Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi:</p> <p>Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.</p> <p>29.3 Quy trình đánh giá E- HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế,

	<p>doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSDT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá; - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>Bao gồm cả việc đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự về kỹ thuật, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai trên tài liệu đính kèm của nhà thầu. <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>29.4. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;</p> <p>c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa Bảng thông tin hợp đồng tương tự được kê khai theo mẫu số 05A của E-HSMT và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự theo mẫu số 05A, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay</p>
--	---

	<p>thể đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định;</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất.</p> <p>c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính.</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được thương thảo hợp đồng và xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>30.3. Bên mời thầu gửi thông báo mời đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu có) đến nhà thầu trực tiếp hoặc trên Hệ thống. Trong thông báo mời đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu có) phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng); địa điểm, thời gian thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị đến đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu có) theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p>

	<p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>32.1. Đối với gói thầu chia phần, nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>b) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p>

	<p>c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>d) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>đ) Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>e) Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá của phân/mục đó trong giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p> <p>32.2. Đối với thầu không chia phần, nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>b) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>d) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>đ) Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>e) Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>33. Hủy thầu</p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Vietsovpetro có quyền quyết định hủy thầu trong trường hợp thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm - Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p>

	<p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giám giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>35. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.</p>
<p>36. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng</p>	<p>36.1. Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>

	36.2. Phương thức ký hợp đồng với chữ ký điện tử quy định tại E-BDL.
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>38.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL .

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	<p>❖ Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro.</p> <p>Địa chỉ: số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>Tel.: (0254) 3 839 871, Fax: (0254) 3 839 857</p>
E-CDNT 1.2	<p>❖ Tên gói thầu: “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL.</p> <p>Gói thầu gồm 02 phần công việc chính:</p> <p>1. Phần 1 - Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại theo Biểu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công việc: “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn MSP-9”; Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0); - Nhà thầu bằng nhân lực, vật tư, thiết bị, giàn giáo của nhà thầu (ngoại trừ dầu chạy máy sẽ được VSP cấp tại Giàn và sẽ khấu trừ khi quyết toán hợp đồng và sơn, dung môi sẽ được VSP cấp theo định mức đã phê duyệt) tiến hành công việc CẮM trên công trình biển theo tài liệu thiết kế (MSP9.BK18A-213-TS-AC7-RPT-001 Rev.0). <p>2. Phần 2 - Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc phần 1 (kể từ ngày có Biên bản xác nhận hoàn thành của Bên A), Nhà thầu tiếp tục cung cấp số lượng (02) nhân sự (thợ chống ăn mòn) có đầy đủ Hợp đồng với nhà thầu, Bảo hiểm tai nạn, bằng/chứng chỉ nghề (phù hợp), thẻ an toàn lao động nhóm III, giấy chứng nhận đủ sức khỏe, chứng chỉ Tbosiet (OPITO), hoặc T-Bosiet (OPITO hoặc NON OPITO) và chứng chỉ PCCC và trong thời gian 03 tháng (90 ngày) tương đương 180 ngày công (180 manday) để thực hiện công việc bảo dưỡng thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn. - Vị trí làm việc: trên cùng công trình đã thi công phần dịch vụ CẮM và được Lãnh đạo giàn chỉ dẫn, yêu cầu. - Phạm vi công việc của 02 nhân sự thợ chống ăn mòn thực hiện công việc bảo dưỡng phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ các thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại: Nhà thầu bằng nhân lực của Nhà thầu thực hiện công việc phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ tại các vị trí bị gỉ sét cục bộ trên đường ống, thiết bị, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn. Dụng cụ để làm sạch bề mặt trước khi sơn là các thiết bị cầm tay như súng bắn đinh, chổi chà nhám... và chổi lăn khi sơn do VSP cung cấp. <p>❖ Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gói thầu không chia thành nhiều phần. Nhà thầu được yêu cầu chào giá thực hiện toàn bộ gói thầu. <p>❖ Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 368 ngày, trong đó:</p> <p>1) Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: trong vòng 293 ngày:</p>

	<p>i) Thời gian thi công trên bờ/biển là 263 ngày, kể từ ngày Bàn giao giàn đưa vào sửa chữa với số lượng nhân công thi công trên giàn dự kiến là 09 người (gồm 08 công nhân và 01 đốc công) và sau khi ký hợp đồng,</p> <p>ii) Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công là: 30 ngày, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiên nghiệm thu.</p> <p>2) Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: trong vòng 105 ngày:</p> <p>i) Thời gian thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển: 90 ngày kể từ thời gian sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc sửa chữa & chống ăn mòn theo Biểu thiết kế với số lượng công nhân thực hiện là 02 người.</p> <p>ii) Thời gian hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan: 15 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc.</p> <p>❖ Số lượng nhân công nhà thầu được phép làm việc trên giàn Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” là 09 người (gồm 08 công nhân và 01 đốc công).</p> <p>❖ Hạn mức dịch vụ đời sống (DVĐS) trên biển (suất ăn, ở/người/ngày) nhà thầu được phép sử dụng cho gói thầu này là 2.546 suất (2.366 + 180 = 2.546 suất) (yêu cầu chào đủ số lượng DVĐS này), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 - Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại theo Biểu thiết kế: Công việc: “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên giàn MSP-9”, Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0) là 2.366 suất (ngày ăn, ở); - Phần 2 - Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn: 180 suất (ngày ăn, ở);
E-CDNT 3	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Lô 09-1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục A.2 - Phụ lục 12 "Kế hoạch sửa chữa và khảo sát các công trình biển Liên doanh "Vietsovetro" năm 2026"; - Mục 03.05.01.01.01 - Phụ lục/Прил. № 22.2 (Thường xuyên-Текущая) Kế hoạch tài chính (dịch vụ thuê ngoài, các khoản trích nộp, thuế) LDVN Vietsovetro năm 2026;
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <i>Chủ đầu tư, Bên mời thầu:</i> Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro, <i>Địa chỉ:</i> số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel.: (0254) 3 839 871 Fax: (0254) 3 839 857 <p>trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <p>+ Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện;</p>

	<p>+ Tư vấn thẩm định giá: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện;</p> <p>+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện;</p> <p>+ Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện;</p> <p>+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện;</p> <p>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện ;</p> <p>+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không áp dụng.</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập.</p>
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu thực hiện làm rõ E-HSMT trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: <i>theo quy định hiện hành.</i>

E-CDNT 10	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu (trích xuất từ hệ thống mạng đấu thầu). - Các đề xuất có liên quan theo Đơn dự thầu. - Thỏa thuận liên danh (nếu có) theo mẫu quy định của E-HSMT. - Bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Đặt cọc/Chuyên khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 E-CDNT). - Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp (<i>yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam</i>); - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định (<i>bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có</i>); Cơ cấu tổ chức của nhà thầu ... (theo Mẫu quy định). - Toàn bộ hồ sơ tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: các Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất, Hồ sơ chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế, Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh quyết toán hợp đồng, Hóa đơn GTGT ... (theo Mẫu quy định). - Toàn bộ phần Hồ sơ kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách nhân sự chủ chốt, kỹ sư, công nhân, Lý lịch chuyên gia, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết, Giải pháp và phương pháp luận tổng quát, Danh mục thiết bị, vật tư, nhà xưởng và hồ sơ liên quan, quy trình biện pháp thi công, Các quy trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng công trình, Quy trình an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ, Quy trình phối hợp công tác giữa nhà thầu, chủ đầu tư, tư vấn giám sát; Kế hoạch và Tiến độ thực hiện công việc ... Các giải pháp kỹ thuật, Biện pháp thi công ... phù hợp với Yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chí đánh giá kỹ thuật (theo Mẫu quy định). - Catalog hàng hóa, dịch vụ ... - Toàn bộ phần Giá dự thầu bao gồm: bảng tổng hợp và các bảng chi tiết chào giá theo mẫu quy định kèm theo File mềm Exel “.xls” Bảng giá dự thầu được nén chung vào file “.zip”, “.zar” và upload lên hệ thống mạng đấu thầu. <p>Nhà thầu giảm giá trực tiếp trong Đơn dự thầu webform trên hệ thống, không lập thư giảm giá riêng. Trường hợp có Thư giảm giá riêng scan đính kèm theo sẽ không được xem xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 E-HSDT hoàn chỉnh. <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf” + File mềm Exel “.xls” Bảng giá dự thầu, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu Không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.1	Thẻ thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.

E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 129.000.000 VNĐ (<i>Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn</i>). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu \geq 150 ngày kể từ ngày đóng thầu. - Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1 <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</p>
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 23.4	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 02 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 27.2	<p>Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: Không áp dụng.</p> <p>Chủ đầu tư không cho phép Nhà thầu chính đề xuất sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện bất kỳ một công việc cụ thể nào của gói thầu dịch vụ phi tư vấn sửa chữa giàn cố định của Vietsovpetro khi tham gia đấu thầu.</p>
E-CDNT 28.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: Theo Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hợp lệ: Đạt/ Không đạt; - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/ Không đạt; - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm; - Đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.1	Thương thảo hợp đồng: Áp dụng.
E-CDNT 32.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 35.1	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là Không áp dụng;</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là Không áp dụng.</p>
E-CDNT 35.2	<p>Tùy chọn mua thêm: không áp dụng.</p> <p>Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: không áp dụng.</p>
E-CDNT 36.2	Nhà thầu cung cấp thông tin về chữ ký điện tử (nếu có) theo mẫu số 21 tại Chương IV.
E-CDNT 39.2	<p>Người có thẩm quyền: Ông Vũ Mai Khanh - Tổng giám đốc Vietsovpetro</p> <p>Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Tel. (0254) 3 839 871, Fax: (0254) 3 839 857</p> <p>E-mail: vspadmin@vietsov.com.vn</p>

	<p>Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro,</p> <p>+ Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh Tel. (0254) 3 839 871, Fax: (0254) 3 839 857 + E-mail: vspadmin@vietsov.com.vn</p>
E-CDNT 40	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro tự thực hiện.</p> <p>+ Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh Tel. (0254) 3 839 871, Fax: (0254) 3 839 857 + E-mail: vspadmin@vietsov.com.vn</p>

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống), không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

3. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT.

Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV).

Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.

Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

4. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Không áp dụng đối với nhà thầu phụ.

Chủ đầu tư không cho phép nhà thầu chính sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thi công sửa

chữa bảo dưỡng giàn khoan của Vietsovpetro. Nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng với Vietsovpetro phải tự thực hiện toàn bộ các công việc theo quy định của hợp đồng và không được sử dụng các nhà thầu phụ.

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được scan đính kèm trên Hệ thống, Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo tỷ giá bán ra* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính 03 năm gần nhất để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu ⁽³⁾ bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) có giá trị tối thiểu là 12.000.000.000 VND trong vòng 03 năm ⁽⁴⁾ trở lại đây so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09
5	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁵⁾ hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Các Mẫu số 10, 11

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 2.600.000.000 VND.</p>				
6	<p>Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự</p>	<p>Nhà thầu cung cấp tối thiểu 01 hợp đồng tương tự đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), hoặc nhà thầu phụ⁽⁶⁾ với yêu cầu về hợp đồng tương tự có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hoàn thành: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu. - Tương tự về tính chất: là các hợp đồng thực hiện các công việc có tính chất đặc thù sau: Phục hồi sơn chống ăn mòn, sửa chữa kết cấu kim loại, bảo dưỡng ... các giàn khoan cố định, giàn tự nâng, tàu chữa, tàu cầu, các công trình biển khác ...; - Quy mô: có giá trị tối thiểu là 2.600.000.000 VND; - Mức độ hoàn thành⁽⁷⁾: Đến 80% giá trị hợp đồng. <p>Để chứng minh Hợp đồng tương tự đã hoàn thành theo tỷ lệ được quy định, nhà thầu <u>phải cung cấp được Biên bản nghiệm thu và Hóa đơn GTGT theo quy định.</u></p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu (<i>tương đương với phần công việc đảm nhận</i>)</p>	<p>Mẫu số 07</p>

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Doanh thu: Nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất.

Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu như: Báo cáo tài chính hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác.

(4) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(5) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(6) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(7) Mức độ hoàn thành của hợp đồng tương tự : có giá trị hoàn thành đến 80% giá trị hợp đồng. Để chứng minh Hợp đồng tương tự đã hoàn thành theo tỷ lệ được quy định, nhà thầu **phải cung cấp được Biên bản nghiệm thu và Hóa đơn GTGT theo quy định.**

Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại Quy chế số VSP-000-TM-238 thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Chi tiết kê khai về Nhân sự chủ chốt quy định tại Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU.

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc

không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định hiện hành.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 13, 14 và 15 Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống)⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1			tối thiểu ___ năm hoặc tối thiểu ___ hợp đồng	
2			tối thiểu ___ năm hoặc tối thiểu ___ hợp đồng	
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Chi tiết kê khai về Thiết bị, vật tư quy định tại Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU.

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 17 Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (File scan đính kèm trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật được nêu tại **Phụ lục 3** của Hồ sơ mời thầu.

Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật gói thầu “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9” đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026.

Các E-HSMT được Vietsovpetro đánh giá và phê duyệt là đạt yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật sẽ được chuyển sang bước đánh giá về mặt tài chính, thương mại và xác định giá đánh giá.

Tham khảo Phương pháp sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu... và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;

- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu.
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt: KHÔNG ÁP DỤNG.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là:(đã bao gồm thuế GTGT...) đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí để thực hiện công việc

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu / Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

E-HSĐT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSĐT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp E-Hồ sơ mời thầu có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong E-Hồ sơ mời thầu thì Bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu;

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có E-Hồ sơ dự thầu được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo Hợp đồng, khi thương thảo Hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các E-Hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

Hồ sơ dự thầu có tổng giá trị các sai lệch thiếu vượt quá 10% so với giá dự thầu sẽ bị loại.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có) - KHÔNG ÁP DỤNG.

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: _____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDT (<i>trích xuất từ hệ thống, ký số trên hệ thống</i>)	Webform từ hệ thống		X
3	Mẫu số 02A. Các đề xuất có liên quan theo Đơn dự thầu	Scan đính kèm		X
4	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh (<i>trích xuất từ hệ thống, ký số trên hệ thống</i>)	Webform từ hệ thống + Scan đính kèm		X
5	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử		X
6	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
7	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>)	Scan đính kèm		X
8	Mẫu số 05A. Bản kê khai thông tin về nhà thầu	Scan đính kèm		X
9	Mẫu số 05B. Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh	Scan đính kèm		X
10	Mẫu số 06. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Scan đính kèm		X
11	Mẫu số 07. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm		X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu	Scan đính kèm		X
13	Mẫu số 09. Doanh thu bình quân hàng năm	Scan đính kèm		X
14	Mẫu số 10. Nguồn lực tài chính	Scan đính kèm		X
15	Mẫu số 11. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện	Scan đính kèm		X
16	Mẫu số 12. Danh sách CBCNV có đủ bằng nghề, chứng chỉ và điều kiện sức khỏe để tham gia thi công tại công trình	Scan đính kèm		X
17	Mẫu số 13. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	Scan đính kèm		X
18	Mẫu số 14. Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt	Scan đính kèm		X

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
19	Mẫu số 15. Bản kinh nghiệm chuyên môn	Scan đính kèm		X
20	Mẫu số 16A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ	<i>(không áp dụng)</i>		
21	Mẫu số 16B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu	Scan đính kèm		X
22	Mẫu số 17. Bảng kê khai thiết bị	Scan đính kèm		X
23	Mẫu số 18A. Bảng danh mục vật tư, vật liệu thực hiện công việc	Scan đính kèm		X
24	Mẫu số 18B. Bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu thực hiện công việc	Scan đính kèm		X
25	Mẫu số 19. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ	Scan đính kèm		X
26	Mẫu số 20. Bảng giá dự thầu	Scan đính kèm		X
27	Mẫu số 21. Mẫu cung cấp thông tin và cam kết của nhà thầu	Scan đính kèm		X

PHẠM VI CUNG CẤP

Danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phần 1 – Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại theo Biểu thiết kế:	<p>- Công việc: “ <i>Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn MSP-9</i>”; <i>Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0)</i>;</p> <p>Nhà thầu bằng nhân lực, vật tư, thiết bị, giàn giáo của nhà thầu (ngoại trừ dầu chạy máy sẽ được VSP cấp tại Giàn và sẽ khấu trừ khi quyết toán hợp đồng và sơn, dung môi sẽ được VSP cấp theo định mức đã phê duyệt) tiến hành công việc CĂM trên CTB theo thiết kế (MSP9.BK18A-213-TS-AC7-RPT-001 Rev.0).</p>	Chi tiết xem Yêu cầu kỹ thuật - Phụ lục 1 và Bảng khối lượng mời thầu - Phụ lục 2			
2	Phần 2: Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn:	<p>- Sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc phần 1 & phần 2.1 (kể từ ngày có Biên bản xác nhận hoàn thành của Bên A), Nhà thầu tiếp tục cung cấp số lượng (02) nhân sự (thợ chống ăn mòn) có đầy đủ Hợp đồng với nhà thầu, Bảo hiểm tai nạn, bằng/chứng chỉ nghề (phù hợp), thẻ an toàn lao động nhóm III, giấy chứng nhận đủ sức khỏe, chứng chỉ Tbosiet (OPITO), hoặc T-Bosiet (OPITO hoặc NON OPITO) và chứng chỉ PCCC và trong thời gian 03 tháng (90 ngày) tương đương 180 ngày công (180 manday) để thực hiện công việc bảo dưỡng thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn.</p> <p>- Vị trí làm việc: trên cùng công trình đã thi công phần dịch vụ CĂM và được Lãnh đạo giàn chỉ dẫn, yêu cầu.</p> <p>- Phạm vi công việc của 02 nhân sự thợ chống ăn mòn thực hiện công việc bảo dưỡng phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ</p>	Chi tiết xem Yêu cầu kỹ thuật - Phụ lục 1 và Bảng khối lượng mời thầu - Phụ lục 2	Giàn MSP-9	Trong vòng 368 ngày	

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
		<p>các thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại: Nhà thầu bằng nhân lực của Nhà thầu thực hiện công việc phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ tại các vị trí bị gỉ sét cục bộ trên đường ống, thiết bị, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn. Dụng cụ để làm sạch bề mặt trước khi sơn là các thiết bị cầm tay như súng bắn đinh, chổi chà nhám...và chổi lăn khi sơn do VSP cung cấp.</p>				

Ghi chú:

Nhà thầu căn cứ Phạm vi cung cấp/ Danh mục dịch vụ này + Yêu cầu kỹ thuật theo Phụ lục 1 và Bảng khối lượng mời thầu theo Phụ lục 2 của E-HSMT để lập Bảng khối lượng chi tiết thực hiện công việc thuộc phần E-HSDT và làm cơ sở lập Bảng chào giá dự thầu theo E-HSDT.

ĐƠN DỰ THẦU
(trích xuất từ hệ thống)

Logo công ty

Số Công văn

Về việc :

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

CÁC ĐỀ XUẤT LIÊN QUAN THEO ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾
(thuộc E-HSMT)

Tên gói thầu: “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL .

Thư mời thầu số: _____ [ghi số Thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT và văn bản sửa đổi E-HSMT số _____ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu: “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL theo đúng yêu cầu của E-HSMT.

Thời gian thực hiện hợp đồng là : _____ ngày [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của công việc] ⁽²⁾ trong đó bao gồm:

1. Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: trong vòng ngày

- i) Thời gian thi công trên bờ/biển là: ngày, kể từ ngày Bàn giao giàn đưa vào sửa chữa với số lượng nhân công thi công trên giàn dự kiến là 09 người (gồm 08 công nhân và 01 đốc công) và sau khi ký hợp đồng;
 - Thời gian thi công theo Biểu số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0) là ngày;
- ii) Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công là 30 ngày kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiền nghiệm thu.

2. Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: trong vòng ngày:

- i) Thời gian thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển: ngày kể từ thời gian sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc sửa chữa & chống ăn mòn theo Biểu thiết kế với số lượng công nhân thực hiện là 02 người.
- ii) Thời gian hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan: **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc công việc.

Đề xuất số lượng, danh sách đốc công và công nhân tham gia thi công trên giàn với trình độ chuyên môn và chứng chỉ đáp ứng yêu cầu (*danh sách và số lượng nhân sự của nhà thầu phải phù hợp với kế hoạch triển khai: thi công từng biểu hoặc đồng thời cả 2 biểu nếu bố trí đủ nhân lực thực hiện*).

Số lượng suất Dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở) (phù hợp với yêu cầu về hạn mức số lượng suất Dịch vụ đời sống trên biển của Vietsovpetro) là ... suất, trong đó:

- Đối với công việc theo Biểu số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0): ... suất (ngày ăn, ở).
- Đối với Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” là **180 suất** (ngày ăn, ở).

Số lượng chuyến vận chuyển Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” đề xuất là :
..... chuyến-người (mỗi chuyến gồm cả đi và về), trong đó :

- Số lượng chuyến vận chuyển đề xuất theo Biểu MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0): chuyến-người.
- Số lượng chuyến vận chuyển đối với Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: **06 chuyến-người** (02 nhân sự với thời gian làm việc trên biển là 90 ngày, tương đương 180 ngày công)

Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng và Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng theo quy định tại mẫu dự thảo hợp đồng kèm theo :

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng được mở ngay sau khi nhận được Thư thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng của Vietsovpetro và trước ngày ký hợp đồng. Bản gốc Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được gửi cho Vietsovpetro trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
- Trong trường hợp công việc kéo dài hơn tiến độ yêu cầu của hợp đồng thì nhà thầu phải có trách nhiệm kịp thời gia hạn bổ sung hiệu lực Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đến thời điểm công trình được bàn giao, nghiệm thu theo quy định.

Các vấn đề có liên quan khác theo HSDT ... [*mà nhà thầu thấy cần thiết đề xuất*]:

Đề xuất các nội dung cần làm rõ khi đàm phán:

- 1) Công nghệ áp dụng sửa chữa, Biện pháp tổ chức thi công, Khối lượng công việc so với thiết kế và bổ sung (nếu có), đơn giá nhân công, chủng loại và đơn giá vật tư, số lượng công nhân thi công trên giàn, tiến độ thực hiện,
- 2) Về phương thức tổ chức dịch vụ đời sống trên các công trình biển của LDVN Vietsovpetro;
- 3) Giá trị hợp đồng, các điều khoản hợp đồng v.v. trên cơ sở thuyết minh kỹ thuật, khối lượng công việc đã được phê duyệt (riêng phần này có thể lập thành phụ lục riêng theo HSDT để Vietsovpetro xem xét)].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽³⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, các đề xuất liên quan theo đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong HSDT và thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công :

- i) Thời gian thi công xác định trên cơ sở khối lượng công việc sửa chữa cải tạo và khối lượng thay thế theo quy định của HSMT và định mức nhân công và số người làm việc trên giàn do Bên B đề xuất.
- ii) Thời gian hoàn tất hồ sơ nghiệm thu/hoàn công để làm cơ sở trình Lãnh đạo Bên A xem xét phê duyệt Biên bản nghiệm hoàn thành công việc toàn bộ theo hợp đồng (như quy định của Dự thảo hợp đồng).

(3) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền kèm theo; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền).

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3 _____	_____ %	_____ VNĐ
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được

các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]⁽⁴⁾

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]⁽⁴⁾

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 21 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những

tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án: (Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:
Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro
Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu
Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Trang __/__ trang

Tên nhà thầu: _____ [*ghi tên nhà thầu*]

(Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh)

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ [*ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động*]

Năm thành lập công ty: _____ [*ghi năm thành lập công ty*]

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: _____ [*tại nơi đăng ký*]

Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu

- Tên: _____
 - Địa chỉ: _____
 - Số điện thoại/fax: _____
 - Địa chỉ email: _____
- ✓ Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
- ✓ Trình bày sơ đồ tổ chức.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Trang __/ __ trang

Tên nhà thầu liên danh:

Tên thành viên của nhà thầu liên danh:

Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:

Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:

Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:

Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh

✓ Tên: _____

✓ Địa chỉ: _____

✓ Số điện thoại/fax: _____

✓ Địa chỉ email: _____

✓ Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.

✓ Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày **01 tháng 01 năm 2023** theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày **01 tháng 01 năm 2023** theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

_____, ngày __ tháng __ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương VND
Tên dự án/ dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III ⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp: sửa chữa KCKL và CAM ...]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản thanh lý, quyết toán hợp đồng, hóa đơn GTGT ...).

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Số liệu tài chính cho 03 năm (2023, 2024, 2025 hoặc 2022, 2023, 2024) gần nhất⁽²⁾ [VND]		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính⁽³⁾ (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho ba năm gần nhất và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định, tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, nếu là khác 03 năm thì các cột tại bảng trên cần được thay đổi cho phù hợp.
- (3) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đối với nhà thầu là đối tượng phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán. Trường hợp nhà thầu là đối tượng không phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán thì không phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM⁽¹⁾

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

Số liệu doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu trong 03 năm gần nhất	
Năm	Số tiền (VND)
Doanh thu bình quân hàng năm của nhà thầu (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH⁽¹⁾

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽²⁾, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 11 Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 12 Chương này).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 11 Chương này.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 11 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN ⁽¹⁾

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A)⁽²⁾	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B)⁽³⁾	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**DANH SÁCH CBCNV CÓ ĐỦ BẢNG NGHỀ, CHỨNG CHỈ VÀ ĐIỀU KIỆN SỨC KHỎE
ĐỂ THAM GIA THI CÔNG TẠI CÔNG TRÌNH**

Thực hiện công việc: “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KTI-VPL

St t	Họ và Tên	Chức danh	Nghề nghiệp	Số lượng tối thiểu	Hợp đồng lao động	Bảo hiểm tai nạn	Bảng/ Chứng chỉ nghề	Chứng chỉ giám sát thi công	Thẻ an toàn lao động nhóm III	Thẻ an toàn lao động nhóm II	Chứng chỉ PCCC	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe làm việc trên biển	Chứng chỉ T-BOSIET
1	x	x	x	x	x	x	x	x
2													
3													
...													
...													

Ghi chú:

- Thông tin kê khai tại mẫu này phù hợp với các thông tin yêu cầu tại Yêu cầu kỹ thuật gói thầu đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026 và các Biểu mẫu + Phụ lục kèm theo thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT.
- Các hồ sơ nhân sự, hợp đồng lao động, chứng chỉ liên quan ... yêu cầu cung cấp theo E-HSDT được nêu chi tiết tại Yêu cầu kỹ thuật gói thầu đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026 và các Biểu mẫu + Phụ lục kèm theo thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu.*]

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- ✓ Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Chương này.
- ✓ Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: ____ [<i>ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu</i>]
	Tên: ____ [<i>ghi tên nhân sự chủ chốt</i>]
2	Vị trí công việc: ____ [<i>ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu</i>]
	Tên: _____ [<i>ghi tên nhân sự chủ chốt</i>]
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
—	Vị trí công việc
	Tên

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Vị trí dự kiến đảm nhiệm: _____

Tên nhà thầu: _____

Họ tên chuyên gia: _____ Quốc tịch: _____

Nghề nghiệp: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: _____

Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Thông tin tham chiếu	Vị trí công việc đảm nhận
Từ tháng/năm đến tháng/năm	(<i>nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin</i>)	

Nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:

Chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:	Nêu kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công
<i>[Nêu các hạng mục công việc mà chuyên gia được phân công thực hiện]</i>	
...	

- Năng lực: _____ *[Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu.]*

- Trình độ học vấn: _____ *[Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp]*

- Ngoại ngữ: _____ *[Nêu rõ trình độ ngoại ngữ]*

- Thông tin liên hệ: _____ *[Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin]*

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

_____, ngày ___ tháng ___ năm _____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Nhà thầu gửi kèm theo bản sao hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn ... của các nhân sự chủ chốt được kê khai trong E-HSDT phù hợp với yêu cầu chi tiết nêu tại **Yêu cầu kỹ thuật thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT.**

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ

(Không áp dụng mẫu này)

STT	Tên nhà thầu phụ	Phạm vi công việc	Khối lượng công việc	Giá trị % ước tính	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ
1					
2					
3					
4					
...					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu thì phải kèm theo các tài liệu để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của mình. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất	Năm sản xuất
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án	

Ghi chú:

- Thông tin kê khai tại mẫu này phù hợp với thông tin yêu cầu tại Yêu cầu kỹ thuật và Biểu mẫu + Phụ lục kèm theo thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT.**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT LIỆU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

“Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL

Stt	Tên, chủng loại, vật tư, vật liệu ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Đặc tính / Tiêu chuẩn vật liệu	Tên hãng sản xuất,	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tên đại lý, nhà phân phối	Chứng chỉ xuất xứ - CO	Chứng chỉ chất lượng - CQ	C/c xuất xưởng – C/c Kiểm định ...	Ghi chú
1.											
2.											
											
											

Ghi chú:

- Ghi tên vật tư, vật liệu và đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của công việc sửa chữa.
- Nhà thầu phải liệt kê đầy đủ khối lượng vật tư, vật liệu vào cột khối lượng của bảng trên.**
- Tích “x” vào các cột Chứng chỉ xuất xứ - CO; Chứng chỉ chất lượng – CQ; Phiếu xuất xưởng – C/c Kiểm định ... đối với mỗi mục vật tư, vật liệu tương ứng.
- Yêu cầu về Chứng từ cung cấp kèm theo vật tư, vật liệu, bao gồm:
 - + Chứng chỉ xuất xứ (CO) do phòng Thương mại của nhà sản xuất hoặc nước xuất khẩu hàng cấp cho thiết bị, vật tư nhập khẩu quy định trong Hợp đồng của Công trình (*bản gốc hoặc bản sao được công chứng hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam hoặc bản sao có ký xác nhận và đóng dấu của nhà sản xuất*).
 - + Tờ khai hải quan đối với vật tư nhập khẩu quy định trong Hợp đồng (*bản sao*).
 - + Chứng chỉ chất lượng (CQ) do nhà sản xuất cấp cho thiết bị, vật tư quy định trong hợp đồng, xác nhận rằng vật tư được sản xuất từ năm 202... trở đi (*bản gốc hoặc bản sao được công chứng hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam hoặc bản sao có ký xác nhận và đóng dấu của nhà sản xuất*).
 - + Chứng chỉ (C/c) xuất xưởng, Chứng chỉ kiểm định cho vật tư, vật liệu trong nước quy định trong Hợp đồng của Công trình (*bản gốc hoặc bản sao được công chứng hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam hoặc bản sao có ký xác nhận và đóng dấu của nhà sản xuất*).
 - + Biên bản thử nghiệm và Chứng chỉ bảo hành do nhà sản xuất thiết bị cấp (*nếu có*).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT

CUNG CẤP VẬT TƯ, VẬT LIỆU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

“Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO

Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel. (0254) 3 839 871, Fax: (0254) 3 839 857

Trên cơ sở Bảng Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất thực hiện công việc: “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL, chúng tôi, [ghi tên nhà thầu], cam kết và đảm bảo cung cấp đầy đủ vật tư, vật liệu với tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng, nhà sản xuất, xuất xứ và thời gian cung cấp phù hợp với Bảng Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất và Hồ sơ thiết kế thi công đã được phê duyệt.

Tất cả các chứng từ liên quan chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng vật tư, vật liệu (CO & CQ), Tờ khai hải quan, Chứng chỉ xuất xưởng, Chứng chỉ kiểm định, Biên bản thử nghiệm và Chứng chỉ bảo hành sẽ được cung cấp đầy đủ và phù hợp với từng loại vật tư, vật liệu khi tiến hành kiểm tra, nghiệm thu vật liệu đầu vào trước khi thi công sửa chữa và được lập thành Danh mục được hai Bên ký xác nhận khi tiến hành thanh quyết toán hợp đồng.

Trường hợp nếu có sự thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Vietsovpetro và chỉ thực hiện tiếp sau khi được Vietsovpetro chấp thuận.

Nếu có gì sai phạm với nội dung đã cam kết, Công ty chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và trước pháp luật.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V - Yêu cầu về phạm vi cung cấp, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác;

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu này và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc., trong đó phải đề xuất các nội dung sau:

- Thuyết minh công nghệ áp dụng sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công sửa chữa kết cấu kim loại/ phục hồi sơn chống ăn mòn để hoàn thành các khối lượng mời thầu theo HSMT.
Diễn giải chi tiết nội dung, các bước công việc theo hồ sơ kỹ thuật của HSMT để làm cơ sở cho phần chào hàng theo Bảng tổng hợp giá dự thầu và các bảng chi tiết giá dự thầu đáp ứng yêu cầu quy định trong hồ sơ kỹ thuật của HSMT.
- Đề xuất thời gian thực hiện công việc, số lượng Dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở/người/ngày) và chuyên vận chuyển người đáp ứng yêu cầu của HSMT, kèm theo các bảng tính toán làm cơ sở cho các số liệu đề xuất.
- Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất và Bảng Danh mục các Chứng chỉ xuất xứ (CO), Chứng chỉ chất lượng (CQ), Phiếu xuất xưởng, Chứng chỉ kiểm định.... (Mẫu số 19 (a)).
- Bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu để thực hiện sửa chữa giàn (Mẫu số 19 (b)).
- Các catalog, tài liệu kỹ thuật liên quan ...
- Các tài liệu để chứng minh sự phù hợp (đáp ứng) của vật tư, máy móc, đưa vào thi công sửa chữa giàn theo yêu cầu.
- Đề xuất số lượng, danh sách đốc công và công nhân tham gia thi công trên giàn với trình độ chuyên môn và chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Danh sách đốc công và công nhân tham gia thi công trên giàn, trong đó thể hiện đầy đủ các thông tin yêu cầu: nghề nghiệp, bậc thợ, chứng chỉ nghề, các chứng chỉ an toàn phải có khi làm việc trên biển (BOSIET, PCCC, Thẻ an toàn ...), các thông tin khác (Mẫu số 13).
 - **Các hồ sơ nhân sự, hợp đồng lao động, chứng chỉ liên quan yêu cầu cung cấp theo HSDT được nêu chi tiết tại Yêu cầu kỹ thuật và Biểu mẫu + Phụ lục kèm theo thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT.**
- Đề xuất các nội dung cần làm rõ khi đàm phán: công nghệ áp dụng sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, khối lượng công việc so với thiết kế và bổ sung (nếu có), đơn giá nhân công, chủng loại vật tư, số lượng công nhân thi công trên giàn, tiến độ thực hiện, các điều khoản hợp đồng (Mẫu số 25) v.v. trên cơ sở thuyết minh kỹ thuật, khối lượng công việc đã được phê duyệt.

BẢNG TỔNG HỢP VÀ BẢNG CHI TIẾT GIÁ DỰ THẦU

(Theo Phụ lục 4 của E-HSMT)

Ghi chú:

- **Mức thuế GTGT áp dụng theo quy định để chào giá dự thầu là: 8%.**
- **Nhà thầu giảm giá trực tiếp trong Đơn dự thầu webform trên hệ thống, không lập thư giảm giá riêng. Trường hợp có Thư giảm giá riêng scan đính kèm theo E-HSDT sẽ không được xem xét.**

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XÁC NHẬN PHƯƠNG THỨC KÝ ĐIỆN TỬ/CHỮ KÝ SỐ
(Dành cho Nhà thầu)**

Kính gửi: **Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro**

Bằng công văn này, [Tên công ty] (“Nhà thầu”) cung cấp các thông tin sau đây để phục vụ cho việc ký kết các thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản khác được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu (“Hợp đồng điện tử” hay “Hợp đồng”) phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu lực pháp lý đầy đủ cho các Hợp đồng điện tử với Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

I. THÔNG TIN NHÀ THẦU/ĐỐI TÁC

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh:
4. Địa chỉ trụ sở chính:
5. Điện thoại: Fax:
6. Email giao dịch chính thức:

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

1. Họ và tên:
2. Chức danh:
3. Giấy tờ pháp lý (CMND/CCCD/Hộ chiếu):
 - o Số: Ngày cấp:/...../.....
 - o Nơi cấp:
4. Email: Số điện thoại:

III. THÔNG TIN NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN KÝ ĐIỆN TỬ/CHỮ KÝ SỐ

(Chỉ khai nếu khác với người đại diện theo pháp luật)

1. Họ và tên:
2. Chức danh:
3. Bộ phận/phòng ban:
4. Email công việc dùng để nhận thông báo/hợp đồng:
5. Số điện thoại:
6. Căn cứ ủy quyền:
 - o Số, ngày văn bản ủy quyền:

Kèm theo văn bản ủy quyền có hiệu lực và phạm vi ủy quyền rõ ràng.

IV. PHƯƠNG THỨC KÝ ĐIỆN TỬ/CHỮ KÝ SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG

1. Đối với chữ ký số (nếu có):

- Loại chữ ký số:
 - Chữ ký số công cộng (USB Token)
 - Chữ ký số từ xa (VNPT SmartCA, Viettel-CA, ...)
- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số (CA):
- Số sê-ri chứng thư số:
- Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

V. CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU/ĐỐI TÁC

Chúng tôi, nhà thầu [Tên Công ty], xin cam kết:

1. **Về tính chính xác thông tin**
 - Tất cả thông tin nêu trên là đúng, đầy đủ và hợp pháp tại thời điểm ký Đơn này;
 - Mọi thay đổi sẽ được Nhà thầu thông báo bằng văn bản cho Vietsovpetro trong thời gian ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, và trước thời điểm ký kết Hợp đồng kế tiếp.
 - Trường hợp Nhà thầu không thông báo kịp thời, mọi Hợp đồng điện tử được ký trên cơ sở thông tin mà Nhà thầu đã cung cấp trước đó vẫn có giá trị pháp lý và ràng buộc Nhà thầu.
2. **Về việc sử dụng và quản lý phương thức ký điện tử/chữ ký số**
 - Nhà thầu tự tổ chức việc quản lý, bảo mật tài khoản, thiết bị, khóa bí mật, mã OTP, email và các phương tiện xác thực khác dùng để ký Hợp đồng điện tử;
 - Mọi giao dịch, Hợp đồng điện tử được thực hiện thông qua tài khoản/phương thức ký nêu trên được coi là do Nhà thầu thực hiện, trừ trường hợp trước thời điểm ký kết Hợp đồng Nhà thầu đã thông báo bằng văn bản cho Vietsovpetro về việc tài khoản/phương tiện ký bị mất, lộ, chiếm đoạt và yêu cầu ngừng sử dụng.
3. **Về giá trị pháp lý của việc ký điện tử/chữ ký số**
 - Nhà thầu chấp thuận rằng:
 - Chữ ký số hợp lệ (còn hiệu lực chứng thư số, không bị thu hồi/tạm dừng theo quy định pháp luật) của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Nhà thầu trên Hợp đồng điện tử với Vietsovpetro có giá trị pháp lý như chữ ký tay của người đại diện có thẩm quyền trên hợp đồng giấy;
 - Nhà thầu không phủ nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử chỉ vì:
 - Hợp đồng được thể hiện, ký, gửi hoặc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu;
 - Việc ký được thực hiện trên bất kỳ nền tảng, phần mềm, hệ thống ký số nào, trong đó có hệ thống eOffice của Vietsovpetro;
 - Nhà thầu thay đổi người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, con dấu, hoặc tài khoản/phương tiện ký bị mất, lộ, chiếm đoạt nhưng không thông báo kịp thời.
4. **Về tuân thủ pháp luật**
 - Nhà thầu cam kết tuân thủ và duy trì tuân thủ các điều kiện pháp luật về sử dụng chữ ký điện tử/chữ ký số, dịch vụ chứng thực, giao dịch điện tử trong suốt thời gian giao kết và thực hiện Hợp đồng với Vietsovpetro.

Đơn này được lập dưới dạng **thông điệp dữ liệu/văn bản giấy**, có giá trị kể từ ngày ký và được áp dụng cho tất cả các Hợp đồng điện tử giữa [Tên Nhà thầu] và Vietsovpetro, cho đến khi có văn bản thay thế hoặc hủy bỏ.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NHÀ THẦU

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG GIÀN KHOAN CỦA VIETSOVPETRO

Yêu cầu kỹ thuật và Phạm vi cung cấp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm theo E-HSMT.

Yêu cầu kỹ thuật gói thầu “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026 và các Biểu mẫu + Phụ lục kèm theo thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT.

I. Giới thiệu về gói thầu dịch vụ phi tư vấn

1. Phạm vi công việc của gói thầu phi tư vấn.

Thực hiện phạm vi công việc của gói thầu “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL theo đúng hồ sơ thiết kế sửa chữa và phạm vi công việc quy định trong các tài liệu thuộc hồ sơ kỹ thuật của gói thầu thuộc hồ sơ dự toán đã được Tổng giám đốc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro phê duyệt tại Quyết định số 11345/QĐSX-XDCB ngày 22/09/2025, bao gồm:

- Các Biểu Thiết kế sửa chữa, chống ăn mòn và tổng hợp vật liệu để thực hiện: “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)”, đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt và thiết kế bản vẽ thi công theo Danh mục tài liệu thiết kế chống ăn mòn cho từng biểu.

- Gói thầu gồm **02 phần công việc chính:**

1. Phần 1 - Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại theo Biểu thiết kế:

- Công việc: “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn MSP-9”; Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0);
- Nhà thầu bằng nhân lực, vật tư, thiết bị, giàn giáo của nhà thầu (ngoại trừ dầu chạy máy sẽ được VSP cấp tại Giàn và sẽ khấu trừ khi quyết toán hợp đồng và sơn, dung môi sẽ được VSP cấp theo định mức đã phê duyệt) tiến hành công việc CẤM trên công trình biển theo tài liệu thiết kế (MSP9.BK18A-213-TS-AC7-RPT-001 Rev.0).

2. Phần 2 - Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn:

- Sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc phần 1 (kể từ ngày có Biên bản xác nhận hoàn thành của Bên A), Nhà thầu tiếp tục cung cấp số lượng (02) nhân sự (thợ chống ăn mòn) có đầy đủ Hợp đồng với nhà thầu, Bảo hiểm tai nạn, bằng/chứng chỉ nghề (phù hợp), thẻ an toàn lao động nhóm III, giấy chứng nhận đủ sức khỏe, chứng chỉ Tbosiet (OPITO), hoặc T-Bosiet (OPITO hoặc NON OPITO) và chứng chỉ PCCC và trong thời gian 03 tháng (90 ngày) tương đương 180 ngày công (180 manday) để thực hiện công việc bảo dưỡng thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn.
 - Vị trí làm việc: trên cùng công trình đã thi công phần dịch vụ CẤM và được Lãnh đạo giàn chỉ dẫn, yêu cầu.
 - Phạm vi công việc của 02 nhân sự thợ chống ăn mòn thực hiện công việc bảo dưỡng phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ các thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại: Nhà thầu bằng nhân lực của Nhà thầu thực hiện công việc phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ tại các vị trí bị gỉ sét cục bộ trên đường ống, thiết bị, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn. Dụng cụ để làm sạch bề mặt trước khi sơn là các thiết bị cầm tay như súng bắn đinh, chổi chà nhám... và chổi lăn khi sơn do VSP cung cấp.
- Các tài liệu kỹ thuật liên quan khác ...

2. Thời hạn hoàn thành: Thời gian thực hiện hợp đồng: **trong vòng 368 ngày**, trong đó:

2.1. Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: trong vòng 293 ngày:

- i) Thời gian thi công trên bờ/biển theo Biểu MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0) là **263 ngày**, kể từ ngày Bàn giao giàn đưa vào sửa chữa với số lượng nhân công thi công trên giàn dự kiến là 09 người (gồm 08 công nhân và 01 đốc công) và sau khi ký hợp đồng.
- ii) Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công là 30 ngày, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiền nghiệm thu.

(Không bao gồm thời gian gián đoạn như quy định của dự thảo hợp đồng).

2.2. Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: trong vòng 105 ngày:

- i) Thời gian thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển: **90 ngày** kể từ thời gian sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc sửa chữa & chống ăn mòn theo Biểu thiết kế với số lượng công nhân thực hiện là 02 người.
- ii) Thời gian hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan: **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc công việc.

❖ Số lượng nhân công nhà thầu được phép làm việc trên giàn là:

- Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: 09 người (gồm 08 công nhân và 01 đốc công).
- Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: 02 người.

II. Yêu cầu về chào hàng tiến độ thực hiện và số lượng người của nhà thầu thực hiện công việc của gói thầu và .

Căn cứ vào khối lượng công việc mời thầu nêu ở phần “I”, thời hạn dự kiến hoàn thành và số người làm việc trên Giàn MSP-9 nêu ở trên, nhà thầu được yêu cầu:

- Chào thầu thời gian thực hiện phạm vi công việc quy định của gói thầu, số người của nhà thầu làm việc trên giàn (bao gồm cả 01 đốc công), kèm theo bảng tính toán chi tiết của nhà thầu.
- **Thời gian đổi ca để tính chuyển vận chuyển: “30 ngày”** là số ngày làm việc trung bình được phép trên giàn (sau thời gian làm việc 30 ngày, nhân công của Bên B sẽ tiến hành đăng ký đổi ca theo quy định), xác định trên cơ sở tuân thủ quy định hiện hành của Vietsovpetro tại Chỉ thị số 1242/QĐ-ATMT ngày 11/09/2018.
- Số chuyển vận chuyển người của nhà thầu được phép sử dụng (số lượng chuyển-người) để đổi ca bằng tàu biển của Vietsovpetro (phù hợp với Biên bản hợp số TM/1088 ngày 18/03/2015 v/v “*Triển khai các biện pháp Tiết giảm chi phí thực hiện công tác Sửa chữa thường xuyên các giàn khoan của Vietsovpetro*” đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 26/3/2015) kèm theo bảng tính toán chi tiết của nhà thầu.
- Kế hoạch thực hiện báo cáo tuần, báo cáo tháng để kiểm soát tiến độ, khối lượng, chất lượng công việc.
- Trong E-HSDT, Nhà thầu được yêu cầu chào hàng *Bảng tiến độ chi tiết thực hiện công việc*: yêu cầu nhà thầu khi lập E-HSDT phải xây dựng lịch thực hiện chi tiết vào mùa biển tốt, từ tháng 3 đến tháng 11 hàng năm, chào hàng giải pháp thi công và bố trí nhân lực để kết thúc hợp đồng trước mùa biển động (phù hợp với quy định của Chủ đầu tư tại *Biên bản cuộc họp số TM/1088 ngày 18/03/2015 v/v Triển khai các biện pháp Tiết giảm chi phí công tác sửa chữa giàn khoan đã được Tổng giám đốc VSP phê duyệt ngày 26/03/2015*).
- Trên cơ sở Báo cáo đánh giá E-HSDT được Chủ đầu tư phê duyệt, nhà thầu xếp hạng thứ nhất sẽ được mời vào đàm phán hợp đồng.

Các nội dung về:

- (a) thời gian thực hiện phạm vi công việc của gói thầu, số người của nhà thầu làm việc trên giàn;
- (b) Số lượng Dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở/người/ngày);
- (c) số chuyến-người vận chuyển người của Bên B được phép sử dụng để đổi ca bằng bằng tàu biển hoặc máy bay của Vietsovpetro quy định trong hợp đồng sẽ được xác định trên cơ sở chào hàng kỹ thuật trong E-HSDT của nhà thầu, kết quả đàm phán, Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu được Chủ đầu tư phê duyệt và Thông báo của Chủ đầu tư về việc chấp nhận E-HSDT và trao hợp đồng.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật (phạm vi công việc, về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị) đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*”:

1. *Yêu cầu về phạm vi công việc sửa chữa cải tạo, phục hồi sơn C.A.M., yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, vật liệu để sửa chữa* được nêu chi tiết trong:
 - Biểu sửa chữa và tổng hợp nhu cầu vật tư, vật liệu để thực hiện “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*”, đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt.
 - Hồ sơ thiết kế sơn chống ăn mòn theo *Danh mục tài liệu thiết kế sơn chống ăn mòn (CAM)*, (đối với phần công việc “*Phục hồi sơn chống ăn mòn*”)

Chi tiết các tài liệu nêu trên: xem Phụ lục của HSMT.

Vật liệu: sơn, dung môi, oxy, axetylen do Vietsovpetro cung cấp.

Công tác sơn chống ăn mòn được thực hiện theo thiết kế, tiến hành làm sạch bằng phun cát tới Sa2.5 và sơn 01 lớp lót trên bờ, các lớp sơn lại sẽ được thực hiện trên biển.

2. Việc giám sát và nghiệm thu công việc “***Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế***” trên các công trình biển và các form mẫu Biên bản, Báo cáo ... kiểm tra và nghiệm thu kèm theo được thực hiện phù hợp theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, Rev.3, ngày hiệu lực 23/07/2025 v/v Quy trình giám sát và nghiệm thu công việc sửa chữa trên các công trình biển do nhà thầu thực hiện và cập nhật theo phiên bản mới nhất của Vietsovpetro đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt.
3. Các yêu cầu cung cấp vật tư, thiết bị cho sửa chữa: theo Điều 4 của Dự thảo hợp đồng.
4. Yêu cầu về điều kiện đảm bảo thi công: nêu tại Điều 6 của dự thảo hợp đồng.
5. Yêu cầu về kiểm tra kỹ thuật thi công, nghiệm thu, chất lượng và bảo hành hành: nêu tại các Điều khoản 5.1 ÷ 5.5 - Điều 5 của Dự thảo hợp đồng.

Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng công việc hoàn thành phù hợp với Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của Vietsovpetro về công tác bảo hành.

Nhà thầu cam kết công việc sửa chữa được bảo hành bao gồm:

Phần sửa chữa CĂM: 03 năm cho phần thượng tầng (Topside) và 05 năm cho phần chân đế với bề mặt được làm sạch đến Sa 2.5; Đối với bề mặt không thể làm sạch bằng công nghệ phun hạt mài và chỉ có thể làm sạch bằng dụng cụ cầm tay (power tool) được thể hiện trong khối lượng công việc thời hạn bảo hành là 18 tháng cho phần thượng tầng (Topside) kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu công việc.

6. Yêu cầu về an toàn lao động và các biện pháp phòng, chống cháy, nổ trên giàn khoan biển: tuân thủ các quy định sau:
 - “*Quy chế về quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro*” số VSP-000-ATMT-448 (Rev.6) đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 16/06/2025, ngày hiệu lực 20/06/2025 và các văn bản có liên quan.

- Các quy định về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường của Vietsovpetro trong thời gian tiến hành sửa chữa, bao gồm:
 - Các Chỉ thị của Tổng giám đốc Vietsovpetro về tăng cường giám sát an toàn các nhà thầu thi công, xây dựng trên các công trình của Vietsovpetro; “Biên bản Hội thảo định kỳ về An toàn - Sức khỏe - Môi trường” liên quan tới thời gian làm việc trên giàn đối với công nhân của Bên B và các văn bản, tài liệu mới nhất về công tác an toàn hiện hành.
 - Việc sử dụng giàn giáo thi công trên giàn phải tuân thủ theo Quy trình an toàn số VSP-000-ATMT-403:
 - + Điểm 2.9.2.9. - Cấm sử dụng tấm lát bằng gỗ đối với các công việc dễ gây cháy nổ.
 - + Cho phép sử dụng tạm thời tấm lát gỗ làm từ tấm ván có độ dày tối thiểu là 40mm khi tiến hành công việc từ giàn giáo trong thời gian sửa chữa thiết bị, máy móc, nhà xưởng và công trình ngừng hoạt động hoàn toàn.
 - “Quy định cấm sử dụng đồ uống có cồn và các chất ma túy trên các công trình của Vietsovpetro” số VSP-000-ATMT-456 ngày hiệu lực 01/05/2023 đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 25/04/2023 trong thời gian tiến hành sửa chữa, Chỉ thị số 2039/QĐSX-TTBV ngày 27/12/2023 v/v Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ nghiêm Quy định cấm sử dụng đồ uống có cồn, các chất ma túy trên các công trình của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.
 - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên-Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và “Quy định quản lý chất thải” số VSP-000-ATMT-435, phiên bản 05, sửa đổi lần 1 đã được Chánh kỹ sư Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro phê duyệt, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2024 và thường xuyên cập nhật các phiên bản sửa đổi mới nhất có liên quan của Vietsovpetro. Bên B chịu mọi trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước về các vấn đề liên quan đến sai sót trong việc xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành.
 - Các quy định hiện hành khác có liên quan nêu tại Điều 7 của Dự thảo hợp đồng kèm theo.

7. Yêu cầu về biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công: nêu tại Điều 4, Điều 6 của Dự thảo hợp đồng.

8. Yêu cầu về dịch vụ đời sống trên biển: nêu chi tiết tại Điều 6.4 của Dự thảo hợp đồng kèm theo.

9. Các yêu cầu khác:

Nhà thầu phải nghiên cứu các yêu cầu của Công việc như nêu ở trên để làm cơ sở chào hàng theo yêu cầu của HSMT. Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) của Nhà thầu phải bao gồm chào hàng về kỹ thuật với các nội dung sau:

- Đề xuất các nội dung kỹ thuật cần làm rõ khi đàm phán: công nghệ áp dụng sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, khối lượng công việc so với thiết kế và bổ sung (nếu có), chủng loại và đơn giá vật tư, số lượng công nhân thi công trên giàn, tiến độ thực hiện, các điều khoản hợp đồng v.v. trên cơ sở thuyết minh kỹ thuật, khối lượng công việc được duyệt của HSMT.
- Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất và Bảng Danh mục các Chứng chỉ xuất xứ (CO), Chứng chỉ chất lượng (CQ), Phiếu xuất xưởng, Chứng chỉ kiểm định..., kèm theo Các catalog, tài liệu kỹ thuật liên quan (nếu có), Các tài liệu để chứng minh sự phù hợp (đáp ứng) của vật tư, máy móc, thiết bị đưa vào thi công theo yêu cầu.....
- Bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu đúng chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ phù hợp với Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất.
- Danh sách đốc công và công nhân tham gia thi công trên giàn, trong đó thể hiện đầy đủ các thông tin yêu cầu: nghề nghiệp, bậc thợ, chứng chỉ nghề, các chứng chỉ an toàn phải có khi làm việc trên biển (BOSIET, PCCC, Thẻ an toàn ...) các thông tin khác

IV. Các bản vẽ: theo danh mục bản vẽ tại phần Phụ lục của E-HSMT.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 22. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Mẫu số 23. Dự thảo hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm _____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ*];
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm _____ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày/...../2026

HỢP ĐỒNG (dự thảo)

Số :/26/T-N3/KT1-.....

***Về việc: “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9
(MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL***

Giữa

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO

và

LIÊN DANH CÔNG TY / CÔNG TY

TP. Hồ Chí Minh, tháng ____ năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

HỢP ĐỒNG (dự thảo)

Số:/26/T-N3/KT1-.....

**Về việc: “Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9
(MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)” - DV-1500/26-KT1-VPL**

Các căn cứ:

- Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp 10 thông qua ngày 24/11/2015.
- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội, ngày hiệu lực 01/07/2026
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội, ngày hiệu lực 01/01/2024;
- Luật số 90/2025/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội, ngày hiệu lực 01/07/2025 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ v/v Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ v/v Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí công trình xây dựng.
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng.
- Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên-Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.
- Các quy định hiện hành khác của nhà nước về xây dựng có liên quan và quy định hiện hành của Vietsovpetro.
- Nhu cầu của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và khả năng đáp ứng của Công ty
- Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số TUQ-...../TM ngày/...../2026 của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026

Một bên là: **LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO**

Dưới đây gọi tắt là **“Bên A”**

Do ông: **Trần Quốc Thắng** Phó Tổng Giám đốc, làm đại diện
(Theo Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc Vietsovpetro số 37/UQ-PL ngày 06/01/2026)

Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (0254) 3 839 871

Fax: (0254) 3 839 857

Tài khoản: Số 008.1.00.00000.1.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Vietcombank, Chi nhánh Vũng Tàu

Mã số thuế: 3500102414

Email: vspadmin@vietsov.com.vn

Bên kia là: **CÔNG TY**

Dưới đây gọi tắt là **“Bên B”**

Do ông:, Giám đốc, làm đại diện

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản :

Mã số thuế:

Email:

Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

Hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA

- “Công việc” là công việc **“Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)”** theo Hồ sơ thiết kế thi công và Biểu khối lượng công tác sửa chữa, chống ăn mòn được phê duyệt thuộc:
 - Dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0) v/v “*Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên giàn MSP-9*” đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt tại Quyết định số 1345/QĐSX-XDCB ngày 22/09/2025.
 - Phần công việc “*Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn*”: Phạm vi công việc được quy định chi tiết tại Yêu cầu kỹ thuật cung cấp dịch vụ phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên MSP-9 đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026 và Phụ lục kèm theo.
- “Đơn hàng” là Đơn hàng số DV-1500/26-KT ngày 20/04/2026 v/v “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL .
- “Giàn” là giàn MSP-9 - Vietsovpetro;

- “Dự toán” là các dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0) v/v “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên giàn MSP-9”.
- “Xí nghiệp Khai thác” là Xí nghiệp Khai thác dầu khí thuộc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.
- Các phân công việc chính của hợp đồng bao gồm:

1. Phần 1 - Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại theo Biểu thiết kế:

- Công việc: “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn MSP-9”; Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0);
- Nhà thầu bằng nhân lực, vật tư, thiết bị, giàn giáo của nhà thầu (ngoại trừ dầu chạy máy sẽ được VSP cấp tại Giàn và sẽ khấu trừ khi quyết toán hợp đồng và sơn, dung môi sẽ được VSP cấp theo định mức đã phê duyệt) tiến hành công việc CĂM trên công trình biển theo tài liệu thiết kế (MSP9.BK18A-213-TS-AC7-RPT-001 Rev.0).

2. Phần 2 - Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn:

- Sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc phần 1 (kể từ ngày có Biên bản xác nhận hoàn thành của Bên A), Nhà thầu tiếp tục cung cấp số lượng (02) nhân sự (thợ chống ăn mòn) có đầy đủ Hợp đồng với nhà thầu, Bảo hiểm tai nạn, bằng/chứng chỉ nghề (phù hợp), thẻ an toàn lao động nhóm III, giấy chứng nhận đủ sức khỏe, chứng chỉ Tbosiet (OPITO), hoặc T-Bosiet (OPITO hoặc NON OPITO) và chứng chỉ PCCC và trong thời gian 03 tháng (90 ngày) tương đương 180 ngày công (180 manday) để thực hiện công việc bảo dưỡng thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn.
- Vị trí làm việc: trên cùng công trình đã thi công phân dịch vụ CĂM và được Lãnh đạo giàn chỉ dẫn, yêu cầu.
- Phạm vi công việc của 02 nhân sự thợ chống ăn mòn thực hiện công việc bảo dưỡng phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ các thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại: Nhà thầu bằng nhân lực của Nhà thầu thực hiện công việc phục hồi lớp sơn chống ăn mòn cục bộ tại các vị trí bị gỉ sét cục bộ trên đường ống, thiết bị, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Lãnh đạo giàn. Dụng cụ để làm sạch bề mặt trước khi sơn là các thiết bị cầm tay như súng bắn đinh, chổi chà nhám... và chổi lăn khi sơn do VSP cung cấp.
- “Ngày bắt đầu” công việc :
 - Đối với Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: là ngày đại diện hai bên ký Biên bản bàn giao giàn vào sửa chữa với đại diện Bên A là Trưởng giàn.
 - Đối với Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” (*sau khi hoàn thành Phần công việc “Sửa chữa và chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”*): Ngày bắt đầu là ngày Nhân sự của Bên B bắt đầu thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển và được ghi trong Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn.
- “Ngày hoàn thành” công việc được xác định như sau:
 - * Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”:
 - Trường hợp Bên B kết thúc công việc theo hợp đồng mà không có tồn đọng cần khắc phục khi tiến nghiệm thu: “Ngày hoàn thành” là ngày Bên B ký biên bản xác nhận hoàn thành với Lãnh đạo giàn theo quy định và được ghi vào ngày hoàn thành trong Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình để đưa vào sử dụng.
 - Trường hợp Bên B kết thúc công việc theo hợp đồng nhưng còn tồn đọng cần khắc phục theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu của Bên A: “Ngày hoàn thành” là ngày

Hội đồng nghiệm thu của Bên A xác nhận Bên B hoàn thành khắc phục tồn đọng. Thời gian thực tế hoàn thành khắc phục tồn đọng sẽ được tính vào thời gian thực tế thực hiện hợp đồng của Bên B.

* Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”:

- Ngày hoàn thành là ngày nhân sự thực hiện công việc của Bên B hoàn thành và kết thúc công việc trên biên và được ghi trong Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn.

- “*Bất khả kháng*” được định nghĩa tại Điều 9 [Bất khả kháng].

ĐIỀU 2: KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

2.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện cho Bên A Công việc “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” theo đúng Phạm vi công việc và Yêu cầu kỹ thuật, Hồ sơ thiết kế thi công và biểu khối lượng Công việc đã phê duyệt quy định tại Phụ lục 1 là phần không tách rời của Hợp đồng này.

2.2. Thời hạn thực hiện Công việc của hợp đồng: ngày, trong đó bao gồm:

2.2.1. Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: trong vòng ngày:

- i) Thời gian thi công trên bờ/biển là: ngày, kể từ ngày Bàn giao giàn đưa vào sửa chữa với số lượng nhân công thi công trên giàn dự kiến là **09 người (gồm 08 công nhân và 01 đốc công** - chịu trách nhiệm giám sát an toàn vệ sinh lao động) và sau khi ký hợp đồng,

Ngày bắt đầu và ngày hoàn thành công việc sửa chữa phải được ghi trong Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

Tiến độ thực hiện công việc của Giai đoạn 1 là: ngày (*không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ*).

- ii) Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công là **30 ngày**, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiền nghiệm thu.

Ngày hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công phải ghi trong biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

(*Không bao gồm thời gian gián đoạn như quy định của dự thảo hợp đồng*).

2.2.2. Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: trong vòng ngày:

- i) Thời gian thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển: ngày kể từ thời gian sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc sửa chữa & chống ăn mòn theo Biểu thiết kế với số lượng công nhân thực hiện là 02 người. Trong thời gian 90 ngày, Lãnh đạo công trình biển Vietsovpetro chịu trách nhiệm giám sát an toàn vệ sinh lao động cho 02 công nhân nhà thầu.

Ngày bắt đầu và ngày hoàn thành công việc phải được ghi trong Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn.

Thời gian hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan: **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc công việc.

Thời hạn thực hiện công việc không bao gồm:

- Ngày lễ, ngày tết theo quy định,

- Thời gian gián đoạn do sự cố bất khả kháng,
- Thời gian chờ tàu đổi ca,
- Bên A không bố trí được chỗ ở trên giàn, không sắp xếp được mặt bằng thi công, không bố trí được tàu dịch vụ để Bên B gửi hàng ra giàn theo quy định, thời gian chờ Bên A tổ chức tiền nghiệm thu.
- Thời gian chờ đại diện Bên A ký thỏa thuận hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công sau khi nhận đầy đủ hồ sơ của Bên B.

Thời gian gián đoạn phải được ghi nhận dưới hình thức văn bản (các Biên bản xác nhận ...) phù hợp với các quy định hiện hành.

2.3. Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công:

* Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”:

- Trong vòng 30 ngày lịch (*không kể ngày lễ, ngày tết*), kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiền nghiệm thu, Bên B phải hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công để làm cơ sở trình Lãnh đạo Bên A phê duyệt Biên bản nghiệm thu.
- Nếu trong thời hạn kể trên mà Bên B không hoàn thiện xong hồ sơ nghiệm thu công trình theo quy định của hợp đồng thì thời gian kéo dài công việc hoàn thiện hồ sơ sẽ được tính vào thời gian thực tế thực hiện hợp đồng của Bên B.

* Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”:

- Trong vòng 15 ngày lịch (*không kể ngày lễ, ngày tết*), kể từ ngày kết thúc công việc chống ăn mòn trên biển, Bên B phải hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan trình Lãnh đạo Bên A phê duyệt.
- Nếu trong thời hạn kể trên mà Bên B không hoàn thiện xong Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan theo quy định của hợp đồng thì thời gian kéo dài công việc sẽ được tính vào thời gian thực tế thực hiện hợp đồng của Bên B.

2.4. Thời điểm bàn giao giàn vào sửa chữa:

Bên A (Xí nghiệp Khai thác) gửi công văn lần thứ nhất thông báo cho Bên B (trong vòng 10 ngày lịch kể từ ngày ký hợp đồng) về kế hoạch thực hiện sửa chữa và dự báo ngày có thể bàn giao giàn, yêu cầu bên B chuẩn bị vật tư, thiết bị để bên A kiểm tra.

Bên A (Xí nghiệp Khai thác) xác định và gửi công văn lần thứ hai thông báo cho Bên B trước 10 ngày kế hoạch bàn giao giàn vào sửa chữa bao gồm: “Ngày sẵn sàng bàn giao giàn”, số người cho phép ở trên giàn để thi công và các vấn đề liên quan khác.

Bên B có trách nhiệm nhận bàn giao giàn trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải hoàn thành các công việc chuẩn bị và đưa nhân sự, vật tư thiết bị máy móc ra giàn để nhận bàn giao giàn, bắt đầu triển khai thực hiện công việc “Phần 1” theo quy định của hợp đồng. Nếu quá 15 ngày kể từ "Ngày sẵn sàng bàn giao giàn" được ghi trong văn bản thông báo nêu trên của Bên A mà Bên B không triển khai thực hiện công việc và không nhận bàn giao giàn, Bên A sẽ áp dụng phạt chậm tiến độ theo quy định tại Hợp đồng, ngoại trừ trường hợp việc chậm trễ này phát sinh không do lỗi của Bên B.

2.5. Thời điểm bắt đầu Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”:

- Bên A (Xí nghiệp Khai thác) xác định và thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 07 ngày kế hoạch thực hiện công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” và các vấn đề liên quan khác.

- Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Xí nghiệp Khai thác thông báo bằng văn bản, Bên B phải huy động nhân sự thực hiện công việc chống ăn mòn theo sự điều động của Bên A. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên B không triển khai được nhân sự thực hiện công việc, Bên A sẽ tính phạt chậm tiến độ theo quy định của hợp đồng.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

3.1. Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT, không bao gồm giá trị các vật tư tiêu hao do Vietsovpetro cấp nêu ở khoản 4.3.1, là: **đồng** (*Bằng chữ*:).

Thuế GTGT được tính theo Luật và các văn bản pháp luật hiện hành tại thời điểm Bên B phát hóa đơn.

Bảng giá, đơn giá chi tiết và giá trị quyết toán hợp đồng phù hợp với quy định của Phụ lục 2 là phần không tách rời của Hợp đồng này.

3.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định, trong đó:

- + (1) Đơn giá của hợp đồng được lấy theo Đơn giá chi tiết của công việc được thể hiện trong phụ lục của hợp đồng là đơn giá chính thức và cố định của hợp đồng và là căn cứ để thực hiện việc thanh quyết toán hợp đồng sau này, và
- + (2) Giá trị thanh quyết toán hợp đồng xác định trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành thực tế được Bên A nghiệm thu nhân với đơn giá quy định trong hợp đồng nêu tại điểm (1) và trừ đi mức giảm giá chung%.
- + (3) Trường hợp sử dụng đơn giá của hợp đồng cho việc lập dự toán bổ sung thì giá trị quyết toán của phần công việc bổ sung sử dụng đơn giá hợp đồng cũng trừ đi mức giảm giá chung%.
- + (4) Số lượng dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở/người/ngày) được quyết toán xác định trên cơ sở suất ăn, ở thực tế phù hợp với các Biên bản xác nhận của đơn vị quản lý giàn nhưng không vượt quá số lượng quy định của hợp đồng.
- + (5) Trường hợp dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở/người/ngày) và số chuyến vận chuyển phát sinh so với quy định của hợp đồng mà do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu sẽ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh này và Bên A khấu trừ vào giá trị quyết toán của hợp đồng theo đơn giá quy định áp dụng cho Vietsovpetro đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt tại thời gian đó.
- + (6) Trường hợp dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở/người/ngày) và số chuyến vận chuyển vượt quá hạn mức quy định của hợp đồng mà nhà thầu có văn bản chứng minh không phải do lỗi của nhà thầu thì Vietsovpetro sẽ trả các chi phí vượt quá này cho đơn vị cung cấp dịch vụ đời sống trên giàn.

3.3. Việc thanh quyết toán thực hiện bằng đồng Việt Nam, bằng chuyển khoản qua ngân hàng và trên cơ sở đơn giá (bằng tiền đồng) của Phụ lục 1 và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

3.4. Tiến độ thanh toán

3.4.1 *Đợt 1 - Tạm ứng*: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B đến 20% giá trị hợp đồng (*chưa bao gồm thuế GTGT, tạm ứng 10% trong năm 2026 và 10% còn lại trong năm 2027 tùy thuộc vào kế hoạch tài chính hàng năm của Bên A tại thời điểm tạm ứng*) trên cơ sở nhận được hồ sơ tạm ứng (Bản gốc) các chứng từ sau:

- (a) Biên bản bàn giao giàn vào sửa chữa trong đó nêu rõ “*thiết bị và nhân sự của nhà thầu đã được kiểm tra, đã có mặt trên giàn và sẵn sàng để thực hiện công việc*” kèm theo “*Bảng tiến độ thực hiện công việc*” do Bên B lập được Xí nghiệp Khai thác kiểm tra, thỏa thuận (*Mẫu biên bản số F-07 - Phụ lục theo Quy trình số VSP-000-XDCB-*

606, phiên bản 03, ngày hiệu lực 23/07/2025);

- (b) Biên bản bàn giao và kiểm tra hồ sơ chứng nhận/ chứng chỉ bảo hiểm nhân sự, máy móc thiết bị phù hợp theo quy định tại Điều 6, Điều 11 của hợp đồng được Đại diện Bên A (Xí nghiệp Khai thác) kiểm tra và ký xác nhận;
- (c) Văn bản đề nghị tạm ứng;
- (d) Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 8 [*Bảo đảm thực hiện hợp đồng*] và theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng;
- (e) Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng do Ngân hàng hợp pháp của Việt Nam phát hành với giá trị bảo lãnh bằng giá trị tạm ứng Hợp đồng và có hiệu lực đến thời điểm bên A thu hồi hết toàn bộ số tiền tạm ứng, theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng;

Trong trường hợp đến ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Bên A chưa thu hồi hết toàn bộ số tiền tạm ứng, Bên B có trách nhiệm phải thực hiện gia hạn thời hạn Bảo lãnh tiền tạm ứng.

3.4.2 *Đợt 2 - Thanh toán giữa kỳ lần 1 (chi tiết sau đàm phán):* Sau khi Bên B hoàn thành lớn hơn 50% giá trị khối lượng công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” theo hợp đồng được Bên A nghiệm thu (Giai đoạn 1) như quy định tại Điều 5, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 80% giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (*giá trị tạm ứng được thu hồi toàn bộ trong lần thanh toán này*).

Hồ sơ thanh toán (bản gốc) các chứng từ sau:

- (a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công việc được Hội đồng nghiệm thu Hai Bên ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt (*mẫu biên bản số F-17 - Phụ lục theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, phiên bản 03, ngày hiệu lực 23/07/2025*).
- (b) Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành theo hợp đồng được đại diện Bên B, Bên A (*Trưởng giàn, Xí nghiệp Khai thác, phòng Xây dựng cơ bản, Viện NCKH & TK*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt;
- (c) Bảng chi tiết giá trị khối lượng Công việc hoàn thành theo hợp đồng được đại diện Bên B, Bên A (*Xí nghiệp Khai thác, phòng Xây dựng cơ bản, Phòng Thương mại, Phòng Kế toán*) ký xác nhận;
- (d) Bản giải trình chậm tiến độ Giai đoạn 1 theo quy định (*nếu có*);
- (e) Bảo đảm thực hiện hợp đồng bổ sung đã gia hạn thời gian phù hợp theo quy định (*nếu có*).
- (f) Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng bổ sung đã gia hạn thời gian phù hợp theo quy định (*nếu có*).
- (g) Công văn đề nghị thanh toán;
- (h) Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- (i) Các văn bản có liên quan khác (*nếu có*) ...

3.4.3 *Đợt 3 - Thanh toán giữa kỳ lần 2:* Sau khi bên B hoàn thành 100% khối lượng công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” theo hợp đồng được Bên A nghiệm thu như quy định tại Điều 5, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 80% giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (*bao gồm giá trị đã tạm ứng và thanh toán giữa kỳ lần 1*).

Hồ sơ thanh toán (bản gốc) các chứng từ sau:

- (a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ Công việc được Hội đồng nghiệm thu Hai Bên ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt (*mẫu biên bản số F-17 - Phụ lục theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, phiên bản 03, ngày hiệu lực 23/07/2025*);
- (b) Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành toàn bộ theo hợp đồng được đại diện Bên B,

Bên A (*Trưởng giàn, Xí nghiệp Khai thác, phòng Xây dựng cơ bản, Viện NCKH & TK*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt;

- (c) Bảng chi tiết giá trị khối lượng Công việc hoàn thành theo hợp đồng được đại diện Bên B, Bên A (*Xí nghiệp Khai thác, phòng Xây dựng cơ bản, Phòng Thương mại, Phòng Kế toán*) ký xác nhận;
- (d) Bảo đảm thực hiện hợp đồng bổ sung đã gia hạn thời gian phù hợp theo quy định (*nếu có*).
- (e) Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng bổ sung đã gia hạn thời gian phù hợp theo quy định (*nếu có*).
- (f) Công văn đề nghị thanh toán;
- (g) Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- (h) Các văn bản có liên quan khác (*nếu có*) ...

3.4.4 *Đợt 4 - Quyết toán Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”*: sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ Công việc được nghiệm thu và quyết toán hợp đồng Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” được Lãnh đạo Bên A phê duyệt: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công việc được Lãnh đạo Bên A phê duyệt như nêu tại Điều 5, Bên B phải giao đầy đủ hồ sơ quyết toán công trình cho Bên A để tiến hành quyết toán Hợp đồng Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”.

Sau khi quyết toán được duyệt, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” cho Bên B trên cơ sở các chứng từ (bản gốc) sau:

- (a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ Công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” được Hội đồng nghiệm thu Hai Bên ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt; (*mẫu biên bản số F-17 - Phụ lục theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, phiên bản 03, ngày hiệu lực 23/07/2025*);
- (b) Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành toàn bộ theo hợp đồng Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” do Bên B lập, được đại diện Bên B, Bên A (*Trưởng giàn, Xí nghiệp Khai thác, Phòng Xây dựng cơ bản, Viện NCKH & TK*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt;
- (c) Bảng xác nhận khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” (*nếu có*) do Bên B lập, được đại diện Bên B, Bên A (*Trưởng giàn, Xí nghiệp Khai thác, Phòng Xây dựng cơ bản, Viện NCKH & TK*) ký xác nhận và được Lãnh đạo Bên A phê duyệt;
- (d) Bảng xác nhận số lượng suất dịch vụ đời sống trên biển, chuyển vận chuyển thực tế của hợp đồng theo quy định và các văn bản giải trình kèm theo (*nếu có*).
- (e) Hồ sơ quyết toán Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” do Bên B lập, được đại diện Bên B, Bên A (*Xí nghiệp Khai thác, Phòng Xây dựng cơ bản, Phòng Thương mại, Phòng Kế toán*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt;
- (f) Chứng chỉ bảo hành (Cam kết bảo hành công trình) Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” (*mẫu số F-18 - Phụ lục theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, phiên bản 03, ngày hiệu lực 23/07/2025*);
- (g) Bảo đảm thực hiện hợp đồng bổ sung đã gia hạn thời gian phù hợp theo quy định (*nếu có*).
- (h) Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng bổ sung đã gia hạn thời gian phù hợp theo quy định (*nếu có*).
- (i) Bảo lãnh bảo hành do ngân hàng hợp pháp của Việt nam phát hành với giá trị bảo lãnh

bằng 3% giá trị quyết toán Hợp đồng và với thời hạn hiệu lực của bảo lãnh là: 03 năm đối với Biểu MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0 (*phù hợp với yêu cầu về bảo hành theo Yêu cầu kỹ thuật*) kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ Công việc;

- (j) Biên bản bàn giao Hồ sơ hoàn công được Phòng Xây dựng cơ bản hoặc Xí nghiệp Khai thác ký xác nhận (*mẫu số F-19 - Phụ lục theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, phiên bản 03, ngày hiệu lực 23/07/2025*);
- (k) Công văn đề nghị quyết toán;
- (l) Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- (m) Các văn bản có liên quan khác (nếu có) ...

3.4.5 *Đợt 5 - Quyết toán toàn bộ hợp đồng, sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” và quyết toán hợp đồng Phần công việc này được Lãnh đạo Bên A phê duyệt:* Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ Công việc được Lãnh đạo Bên A phê duyệt như nêu tại Điều 5, Bên B phải giao đầy đủ hồ sơ quyết toán công trình cho Bên A để tiến hành quyết toán Hợp đồng.

Sau khi quyết toán được duyệt, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” cho Bên B trên cơ sở các chứng từ (bản gốc) sau:

- (a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” (*trong đó chỉ rõ Ngày bắt đầu và Ngày hoàn thành công việc, tổng số lượng ngày công thực hiện công việc*) được đại diện Bên B, Bên A (*Trưởng giàn, Xí nghiệp Khai thác, Phòng Xây dựng cơ bản*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt (*Mẫu biên bản theo Phụ lục 04 - Quy trình số P-PP-011 ngày hiệu lực 18/09/2023 đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt*);
 - (b) Bảng chấm công nhân sự thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển theo hợp đồng do Bên B lập, được đại diện Bên B, Bên A (*Trưởng giàn, Phòng chức năng Xí nghiệp Khai thác*) ký xác nhận (*Mẫu bảng chấm công theo Phụ lục 02 - Quy trình số P-PP-011 ngày hiệu lực 18/09/2023 đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt*);
 - (c) Hồ sơ quyết toán Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn” do Bên B lập, được đại diện Bên B, Bên A (*Xí nghiệp Khai thác, Phòng Xây dựng cơ bản, Phòng Thương mại, Phòng Kế toán*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt;
 - (d) Biên bản thanh quyết toán toàn bộ hợp đồng do Bên B lập, được đại diện Bên B, Bên A (*Phòng Kế toán, Phòng Xây dựng cơ bản, Phòng Thương mại*) ký xác nhận và Lãnh đạo Bên A phê duyệt, trong đó nêu rõ giá trị hợp đồng, giá trị bổ sung (nếu có), giá trị quyết toán được duyệt, phần giá trị đã thanh toán và phần giá trị còn lại phải thanh toán;
 - (e) Công văn đề nghị quyết toán;
 - (f) Hóa đơn GTGT hợp lệ.
 - (g) Các văn bản có liên quan khác (nếu có) ...
- 3.5. Trong thời gian 30 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ tạm ứng, thanh quyết toán hợp lệ, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B.
- 3.6. Việc thanh toán thực hiện thông qua Phòng Kế toán - Bộ máy điều hành của bên A.
- 3.7. Khi tiến hành quyết toán hợp đồng, Bên B có trách nhiệm lập Hồ sơ quyết toán công việc

theo biểu mẫu: “*Hồ sơ hoàn công sửa chữa giàn, Biên bản bàn giao Hồ sơ hoàn công, Danh mục tài liệu quyết toán và Hồ sơ quyết toán sửa chữa giàn khoan*” do Bên A cấp.

3.8. Tài khoản nhận thanh toán của Bên B:

Tài khoản thụ hưởng của Công ty

- *Chủ tài khoản:* Công ty
- Số tài khoản:
- Công ty phát hành hóa đơn GTGT của Bên B: Công ty

❖ Tài khoản nhận thanh toán của Bên B đối với nhà thầu liên danh:

- Bên A sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh của Bên B theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh theo Hồ sơ dự thầu và Công văn làm rõ có liên quan.
- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn GTGT hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được quy định trong hợp đồng.

Tài khoản thụ hưởng của Liên danh

- ✓ Công ty :
 - *Chủ tài khoản:* Công ty
 - Số tài khoản:
 - Công ty phát hành hóa đơn GTGT :
- ✓ Công ty :
 - *Chủ tài khoản:* Công ty
 - Số tài khoản:
 - Công ty phát hành hóa đơn GTGT :

3.9. Tùy theo tình hình thực tế thi công, Bên B có thể không làm thủ tục thanh toán giữa kỳ mà chỉ nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc để tiến hành thủ tục quyết toán luôn hợp đồng.

ĐIỀU 4: CUNG CẤP VẬT TƯ, THIẾT BỊ CHO SỬA CHỮA

4.1. Để thực hiện các Công việc ghi ở khoản 2.1- Điều 2, Bên B chịu trách nhiệm cung cấp vật tư và thiết bị cần thiết cho thi công phù hợp với Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và Biểu khối lượng công việc.

Bên B lập Danh mục vật tư, thiết bị do Bên B cấp, vật tư do Bên A cấp phải phù hợp với Danh mục vật tư, vật liệu thực hiện công việc quy định tại Phụ lục 4 của hợp đồng và được đại diện Bên A (Xí nghiệp Khai thác, phòng XD/CB) kiểm tra theo Chỉ thị No.603/QĐSX-CUVT ngày 22/05/2024 v/v tăng cường kiểm soát vật tư kỹ thuật được cung cấp trong các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất trong Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và thỏa thuận trước khi mang ra biển để thi công.

4.2. Toàn bộ thiết bị và vật tư cho sửa chữa của Bên B trước khi đưa ra giàn phải được Tổ giám sát sửa chữa của Bên A (được thành lập theo quyết định của LDVN Vietsovpetro kiểm tra và lập thành biên bản về số lượng, chủng loại, chất lượng, thông số kỹ thuật phù hợp với quy định của hợp đồng. Bên B phải thông báo cho Bên A (Phòng Xây dựng cơ bản và Xí nghiệp Khai thác) bằng văn bản trước 48 giờ để tổ chức kiểm tra vật tư, thiết bị trên. Vật tư thiết bị cung cấp phải đáp ứng các yêu cầu: hàng nhập ngoại phải có chứng

chỉ xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, hàng nội phải có chứng chỉ xuất xưởng/ chứng chỉ chất lượng- yêu cầu bản gốc hoặc bản sao có đóng dấu sao y chứng thực hợp lệ hoặc bản sao có ký xác nhận và đóng dấu của nhà sản xuất/ nhà phân phối. Chi tiết căn cứ Biên bản họp số 310/BB-XDCB ngày 9/4/2024 đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt như sau:

- + Đối với vật tư sắt thép type I đến type III, bắt buộc phải cung cấp các chứng chỉ CO/CQ bản gốc/ bản điện tử/ bản sao y có công chứng.
- + Đối với vật tư sắt thép type IV trở lên, cần phải cung cấp chứng chỉ CO/CQ bản gốc/ bản điện tử/ bản sao y có công chứng/ bản phô tô có ký xác nhận và đóng dấu của nhà sản xuất/ nhà phân phối.

Các Biên bản, Báo cáo ... kiểm tra và nghiệm thu công việc **“Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”** được thực hiện phù hợp theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606, Rev.3, ngày hiệu lực 23/07/2025 v/v Quy trình giám sát và nghiệm thu công việc sửa chữa trên các công trình biển do nhà thầu thực hiện và Quy trình số P-PP-20, Rev.0, ngày hiệu lực 01/08/2025 v/v tổ chức giám sát nội bộ công việc sửa chữa trên các công trình biển do nhà thầu thực hiện, cập nhật theo phiên bản mới nhất của Vietsovpetro đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt.

Việc giám sát và nghiệm thu công việc **“Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”** và các form mẫu Biên bản, Báo cáo ... kiểm tra và nghiệm thu kèm theo được thực hiện phù hợp theo Quy trình số P-PP-011 ngày hiệu lực 18/09/2023 v/v Quy trình/ Hướng dẫn tổ chức thực hiện công việc chống ăn mòn cục bộ trên các công trình biển do nhân sự nhà thầu thực hiện và cập nhật theo phiên bản mới nhất của Vietsovpetro đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt.

Thực hiện Chỉ thị số 603/QĐSX-CUVT ngày 22/5/2024 v/v tăng cường kiểm soát vật tư kỹ thuật được cung cấp trong các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất trong Vietsovpetro tại :

- + Điều 3 - “Trong hợp đồng quy định rõ điều khoản vật tư, phụ tùng cũ thay ra phải bàn giao lại cho Vietsovpetro sau khi hoàn thành dịch vụ” : Bên B có trách nhiệm bàn giao toàn bộ vật tư, thiết bị cũ tháo ra trong quá trình thi công sửa chữa cho giàn Đại diện Bên A (Lãnh đạo Giàn ...) chủ trì tiếp nhận bàn giao vật tư, thiết bị, phụ tùng cũ thay ra từ Bên B theo quy định hiện hành của Vietsovpetro.
 - + Điều 4 - Đơn vị đặt hàng (XNK): tổ chức, nâng cao chất lượng kiểm tra và giao nhận vật tư kỹ thuật cung cấp theo các hợp đồng dịch vụ trước khi đưa vào sử dụng cho dịch vụ.
- 4.3. Bên A thông qua Xí nghiệp Khai thác chịu trách nhiệm cung cấp vật tư cho Bên B để thực hiện công việc, phù hợp Dự toán và các định mức tiêu hao nhiên liệu hiện hành, bao gồm:
- 4.3.1 Ôxy, axetylen, sơn, dung môi pha sơn, điện, nước kỹ thuật, nước ngọt (cấp tại giàn);
 - 4.3.2 Dầu DO;

Đối với khối lượng dầu diesel Bên B sử dụng và phần vật tư Bên B sử dụng bao gồm sơn, dung môi, oxy, axetylen vượt định mức do Bên A cung cấp, Xí nghiệp Khai thác sẽ tính toán giá trị và xuất hóa đơn cho Bên B. Giá trị này sẽ được khấu trừ vào quyết toán.

ĐIỀU 5: KIỂM TRA KỸ THUẬT, NGHIỆM THU, CHẤT LƯỢNG, BẢO HÀNH.

- 5.1 Tổ giám sát sửa chữa Bên A có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình thực hiện công việc sửa chữa do Bên B thực hiện. Trong quá trình theo dõi Tổ giám sát sửa chữa có quyền đình chỉ các công việc do Bên B thực hiện không đúng với quy trình công nghệ, kỹ thuật hoặc an toàn sản xuất và báo cáo cho Lãnh đạo Bên A theo đúng quy định hiện hành.

5.2 Nghiệm thu Công việc hoàn thành:

5.2.1. Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: Việc nghiệm thu công việc hoàn thành được thực hiện theo 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 – sau khi hoàn thành lớn hơn 50% giá trị khối lượng công việc theo hợp đồng, Giai đoạn 2 - sau khi hoàn thành toàn bộ 100% khối lượng Công việc theo hợp đồng, kèm theo Biên bản nghiệm thu từng giai đoạn tương ứng.

Bên A tiến hành nghiệm thu sau khi Bên B đã hoàn thành nghiệm thu nội bộ. Bên B thông báo (cùng với việc bàn giao hồ sơ hoàn công) cho Bên A bằng văn bản 07 ngày trước khi tiến hành tổ chức nghiệm thu.

Thành phần tham gia nghiệm thu gồm đại diện Bên B và Hội đồng nghiệm thu Bên A, thành lập theo Quyết định của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công việc phải được Lãnh đạo Bên A phê duyệt làm cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng.

5.2.2. Phần Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn: Việc nghiệm thu công việc hoàn thành được thực hiện 1 lần: sau khi hoàn thành toàn bộ 100% Công việc theo hợp đồng.

5.3 Bên B chịu trách nhiệm thực hiện Công việc phù hợp với Hồ sơ thiết kế thi công và Biểu khối lượng công việc sửa chữa đã được Lãnh đạo Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro phê duyệt, và các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn khác có liên quan của Nhà nước.

Các công việc không đảm bảo chất lượng do lỗi của mình, Bên B phải sửa chữa lại để đạt chất lượng yêu cầu bằng kinh phí của mình (kể cả chi phí đi lại, ăn biển và vận chuyển vật tư để sửa chữa).

5.4 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng công việc hoàn thành phù hợp với Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng với thời hạn là 03 năm đối với Biểu MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0) (Phù hợp với yêu cầu về bảo hành theo Yêu cầu kỹ thuật) kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công việc.

5.5 Trong quá trình thi công trường hợp có những thay đổi hoặc bổ sung khối lượng so với hợp đồng, Tổ giám sát sửa chữa của Bên A cùng đại diện Bên B lập Biên bản xác nhận các khối lượng bổ sung hoặc thay đổi đó trình Lãnh đạo Bên A phê duyệt. Các thay đổi và bổ sung nói trên chỉ được phép thực hiện sau khi đã được Lãnh đạo Bên A phê duyệt theo quy định hiện hành.

5.6 Việc quyết toán các khối lượng phát sinh khi thực hiện các hợp đồng sửa chữa giàn theo quy định như sau:

5.6.1 Đối với các hạng mục công việc đã có đơn giá trong hợp đồng có khối lượng phát sinh với tổng giá trị $\leq 5\%$ giá trị Hợp đồng: Vietsovpetro sẽ thanh quyết toán cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành thực tế đã được Lãnh đạo phê duyệt nhân với đơn giá quy định trong hợp đồng (phần chi phí cho khối lượng phát sinh này được lấy từ chi phí giảm giá và chi phí dự phòng của dự toán nếu có).

5.6.2 Đối với các hạng mục công việc đã có đơn giá trong hợp đồng có khối lượng phát sinh với tổng giá trị $> 5\%$ giá trị Hợp đồng: các phòng ban Vietsovpetro sẽ lập dự toán bổ sung cho toàn bộ công việc phát sinh này và làm thủ tục ký bổ sung hợp đồng trước khi thanh quyết toán với nhà thầu.

5.6.3 Đối với các hạng mục công việc phát sinh mới, chưa có đơn giá trong hợp đồng: Vietsovpetro sẽ lập dự toán bổ sung và ký bổ sung hợp đồng trước khi thanh

quyết toán với nhà thầu hoặc đưa sang biểu sửa chữa khác để lập dự toán mới và ký hợp đồng khác theo quy định hiện hành.

- 5.7 Bên B không được phép chuyển giao các công việc của hợp đồng nay cho bên thứ 3 nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- 5.8 Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải hoàn chỉnh và trình Bên A (Xí nghiệp Khai thác, phòng Xây dựng cơ bản) xem xét chấp thuận Kế hoạch tiến độ thi công chi tiết, kế hoạch huy động nhân lực, vật tư, thiết bị và sơ đồ tổ chức thực hiện công việc và cam kết thực hiện đúng như đã lập. Trường hợp bên B không đáp ứng đúng tiến độ đã đề ra mà không có các cơ sở và tài liệu để chứng minh làm rõ, bên A sẽ tiến hành phạt chậm tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng.
- 5.9 Giám sát và nghiệm thu công việc, các form mẫu Biên bản, Báo cáo ... kiểm tra và nghiệm thu kèm theo được thực hiện phù hợp theo Quy trình số VSP-000-XDCB-606 (Rev.3) ngày hiệu lực 23/07/2025 v/v Quy trình giám sát và nghiệm thu công việc sửa chữa trên các công trình biển do nhà thầu thực hiện và Quy trình số P-PP-20, Rev.0, ngày hiệu lực 01/08/2025 v/v tổ chức giám sát nội bộ công việc sửa chữa trên các công trình biển do nhà thầu thực hiện, cập nhật theo phiên bản mới nhất của Vietsovpetro đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt.
- 5.10 Giám sát và nghiệm thu công việc **“Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”** và các form mẫu Biên bản, Báo cáo ... kiểm tra và nghiệm thu kèm theo được thực hiện phù hợp theo Quy trình số P-PP-011 ngày hiệu lực 18/09/2023 v/v Quy trình Hướng dẫn tổ chức thực hiện công việc chống ăn mòn cục bộ trên các công trình biển do nhân sự nhà thầu thực hiện và cập nhật theo phiên bản mới nhất của Vietsovpetro đã được Lãnh đạo Bên A phê duyệt.

ĐIỀU 6: CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THI CÔNG

- 6.1 Bên B phải đảm bảo có đủ các hồ sơ về thiết bị và nhân sự theo *“Quy chế về quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro”* số VSP-000-ATMT-448 (Rev.6) đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 16/06/2025, ngày hiệu lực 20/06/2025 và các tài liệu, chỉ thị có liên quan của Bên A trước khi cho người của mình (Đốc công, kỹ sư, thợ, công nhân) ra giàn thực hiện công việc:

- Giấy khám sức khỏe - đạt yêu cầu để đi biển theo quy định của Vietsovpetro;
- Chứng chỉ an toàn Vệ sinh lao động nhóm 2, 3 và Chứng chỉ an toàn PCCC được cấp do Đơn vị/Trung tâm có thẩm quyền, chức năng đào tạo và cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Chứng chỉ T-Bosiet/T-Foet;
- Căn Cước Công Dân/CMND/Hộ Chiếu;
- Chứng chỉ nghề nghiệp chuyên môn phù hợp do Đơn vị/Trung tâm có thẩm quyền, chức năng đào tạo và cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hợp đồng lao động ký giữa Bên B và người lao động;
- Bảo hiểm y tế, tai nạn cho làm việc trên biển;
- Các chứng chỉ phù hợp để thực hiện công việc sửa chữa;
- Bảng tiến độ sửa chữa;

Các hồ sơ này phải được Bên B trình cho đại diện Bên A (Xí nghiệp Khai thác) kiểm tra về sự phù hợp của các hồ sơ này.

- 6.2 Vận chuyển vật tư, thiết bị.

- 6.2.1 Bên A bằng phương tiện của mình đảm bảo vận chuyển vật tư, thiết bị của Bên B từ cảng Dầu khí ra giàn cho sửa chữa.
- 6.2.2 Bên B phải có lịch vận chuyển thỏa thuận với Xí nghiệp Khai thác của Bên A để Xí nghiệp Khai thác thông báo cho Trung tâm điều độ sản xuất của Bên A về tên hàng, số lượng, trọng lượng chính xác của mỗi mã hàng và gửi hàng không chậm hơn 03 ngày trước khi vận chuyển. Bên A có trách nhiệm đảm bảo việc vận chuyển theo đúng lịch đã thỏa thuận để không ảnh hưởng tiến độ sửa chữa.
- 6.2.3 Việc tập kết và bảo quản vật tư, thiết bị của Bên B tại cảng trước khi vận chuyển ra biển do Bên B chịu trách nhiệm.
- 6.3. Bên A bằng phương tiện và chi phí của mình (tàu biển) đảm bảo đưa đón người của Bên B ra giàn và về đất liền. Việc đổi ca thực hiện mỗi tháng một lần cho người của Bên B thường xuyên có mặt trên giàn căn cứ thời hạn thi công ghi ở khoản 2.2 - Điều 2 của hợp đồng.
- + Đốc công và công nhân của Bên B sử dụng phương tiện vận chuyển bằng tàu biển của Bên A phù hợp với Biên bản hợp số TM/1088 ngày 18/03/2015 v/v “*Triển khai các biện pháp Tiết giảm chi phí thực hiện công tác Sửa chữa thường xuyên các giàn khoan của Vietsovpetro*” đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 26/03/2015, hoặc sử dụng phương tiện vận chuyển bằng trực thăng phù hợp với Báo cáo số 1839/XDCB ngày 07/11/2018 v/v thi công sửa chữa trong mùa biển động đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 13/11/2018. Chi phí vận chuyển nhân sự nhà thầu bằng máy bay trong mùa biển động sẽ được Vietsovpetro đảm bảo theo số lượng hạn mức chuyển vận chuyển quy định của hợp đồng.
 - + Việc bố trí phương tiện phù hợp với Chỉ thị số 1162 ngày 16/10/1995 sẽ do Xí nghiệp Khai thác, Trung tâm Điều độ và Xí nghiệp Vận tải biển của Bên A chịu trách nhiệm.
 - + Yêu cầu về đổi ca Bên B phải gửi tới Xí nghiệp Khai thác của Bên A trước 48 giờ.
 - + Thực hiện chỉ đạo của Tổng giám đốc Vietsovpetro tại Quyết định số 1242/QĐ-ATMT ngày 11/09/2018 về quy định thời gian làm việc đối với nhân viên nhà thầu khi thực hiện hợp đồng sửa chữa và bảo dưỡng trên công trình biển của Vietsovpetro, liên quan tới thời gian làm việc trên giàn cho phép đối với công nhân của Bên B, hạn mức chi phí đi lại Bên B được phép sử dụng để thực hiện phạm vi công việc theo hợp đồng, là **chuyến-người** (mỗi chuyến gồm cả đi và về), trong đó bao gồm:
 - (i) Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế” là: chuyến-người;
 - (ii) Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: **06 chuyến-người**;
 (Căn cứ Biên bản đàm phán số-1/26-BC-PTM/BMĐH ngày/...../2026 đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày/...../2026 và E-HSDT của Bên B)
 - + Căn cứ tình hình sản xuất và điều kiện đảm bảo an toàn của giàn, Bên A có quyền thay đổi số người của Bên B làm việc trên giàn và số chuyến vận chuyển, khi đó thời hạn hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.
- 6.4 Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo chỗ ở và ăn không mất tiền trên giàn cho người của Bên B thường xuyên có mặt trên giàn căn cứ thời hạn thực hiện công việc hợp đồng.
- Hạn mức dịch vụ đời sống trên biển (suất ăn, ở/người/ngày) không mất tiền Bên B được phép sử dụng là: **2.546 suất ăn (ngày ăn)**, trong đó:
- Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: **2.366 suất ăn (ngày ăn)**,

- Phân công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: 180 suất ăn (ngày ăn),

Bên A đảm bảo dịch vụ y tế cơ bản, thường xuyên cho người của Bên B trong thời gian làm việc trên phạm vi giàn khoan bằng chi phí của mình.

Trong trường hợp cần cấp cứu khẩn cấp, Bên A sẽ thực hiện dịch vụ cấp cứu cho người của Bên B. Toàn bộ chi phí y tế cấp cứu, chi phí vận chuyển người của bên B về bờ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu.

Trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động thì Bên A sẽ thực hiện việc cấp cứu và vận chuyển bằng trực thăng cho người của Bên B từ giàn về bờ. Tất cả các chi phí y tế cấp cứu, vận chuyển do Bên B chịu nếu xác định tai nạn là do lỗi của Bên B.

- 6.5 Trường hợp thời hạn hoàn thành công trình bị chậm trễ do lỗi của Bên B, Bên B phải thanh toán và khấu trừ vào giá trị quyết toán công trình toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở trên giàn vượt hạn mức, theo đơn giá, định mức ngoài biên áp dụng cho Vietsovpetro tại thời gian đó và chịu phạt phù hợp với khoản 11.2 - Điều 11 của hợp đồng, căn cứ vào biên bản được đại diện có thẩm quyền của Xí nghiệp Khai thác của Bên A xác nhận và được Lãnh đạo Bên A phê duyệt.
- 6.6 Trong quá trình sửa chữa nếu Bên B làm hư hỏng các thiết bị hiện có ở trên giàn của Bên A, hoặc gây ra những sự cố làm tổn thất đến tài sản của Bên A thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và Bên B phải chịu bồi thường toàn bộ các thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do mình gây ra.
- 6.7 Bên B không được mang vật tư, thiết bị ra khỏi giàn khi chưa được sự đồng ý của Trưởng giàn.

ĐIỀU 7: AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG CHÁY

- 7.1. Bên B phải tuân thủ “*Quy chế về quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro*” số VSP-000-ATMT-448 (Rev.6) đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 16/06/2025, ngày hiệu lực 20/06/2025, quy định về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường của Bên A trong thời gian tiến hành sửa chữa; các Chỉ thị của Tổng Giám đốc Vietsovpetro về tăng cường giám sát an toàn các nhà thầu thi công, xây dựng trên các công trình của Vietsovpetro; “Biên bản Hội thảo định kỳ về An toàn - Sức khỏe - Môi trường” liên quan tới thời gian làm việc trên giàn đối với công nhân của Bên B và các văn bản, tài liệu mới nhất về công tác an toàn hiện hành.

Mọi chi phí thiệt hại, hư hỏng về vật chất, con người của Bên A do lỗi của Bên B, Bên B phải có trách nhiệm đền bù.

- 7.2. Bên B phải tuân thủ “*Quy định cấm sử dụng đồ uống có cồn và các chất ma túy trên các công trình của Vietsovpetro*” số VSP-000-ATMT-456 ngày hiệu lực 01/05/2023 đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 25/04/2023 trong thời gian tiến hành sửa chữa, Chỉ thị số 2039/QĐSX-TTBV ngày 27/12/2023 v/v Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ nghiêm Quy định cấm sử dụng đồ uống có cồn, các chất ma túy trên các công trình của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.
- 7.3. Bên B có trách nhiệm không để xảy ra hỏa hoạn và có các biện pháp phòng chống cháy tại vị trí làm việc trong thời gian tiến hành sửa chữa. Khi tiến hành các công việc sinh lửa phải xin phép Trưởng giàn theo qui định.
- 7.4. Trước khi tiến hành công việc trên các công trình biển, người Bên B phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn trên các công trình biển. Bên B phải đảm bảo các thiết bị an toàn, phương tiện bảo hiểm cá nhân cần thiết làm việc trên biển. Người của Bên B phải có chứng chỉ kỹ thuật an toàn lao động theo ngành nghề phù hợp với quy định hiện hành.

- 7.5. Bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến kỹ thuật An toàn lao động, bảo hiểm, tình trạng sức khỏe và giải quyết các tai nạn lao động cho người của mình trong thời gian tiến hành sửa chữa và vận chuyển. Trong trường hợp phát sinh chuyển bay cấp cứu nhân sự của nhà thầu, chi phí do nhà thầu chi trả toàn bộ.
- 7.6. Thực hiện quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên-Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và “Quy định quản lý chất thải” số VSP-000-ATMT-435, Bên B có trách nhiệm:
- 7.6.1 Đối với các hợp đồng sửa chữa/ bảo dưỡng thực hiện tại các công trình của Vietsovpetro:
- Chấp hành các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường quy định về quản lý Chất thải nguy hại (CTNH) được ban hành theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên-Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và “Quy định quản lý chất thải” số VSP-000-ATMT-435 của Vietsovpetro, thường xuyên cập nhật các phiên bản sửa đổi mới nhất và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.
 - Tự trang bị thùng chứa chuyên dụng riêng biệt cho chất thải thông thường và chất thải nguy hại để sử dụng trên công trình (có thể tham khảo thùng chứa theo tiêu chuẩn của Vietsovpetro).
 - Các chất thải sau khi được phân loại, lưu giữ trong các thùng chuyên dụng phải được chuyển về kho bãi trung chuyển chất thải tại Xí nghiệp Dịch vụ của Vietsovpetro để đưa đi xử lý cùng với chất thải của Vietsovpetro. Việc giao nhận phải được lập thành biên bản do đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận. Các biên bản này sẽ là cơ sở để Vietsovpetro tính chi phí xử lý cho nhà thầu.
 - Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước về các vấn đề liên quan đến sai sót trong việc xử lý chất thải.
- 7.6.2 Đối với các hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng và các công việc có liên quan thực hiện tại cơ sở của nhà thầu:
- Chấp hành các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường quy định về quản lý chất thải và quản lý CTNH được ban hành theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
 - Phân loại, lưu giữ các CTNH và thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện công việc theo đúng quy định của pháp luật.
 - Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý các loại CTNH và thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.
 - Chịu trách nhiệm đến cùng đối với các loại chất thải phát sinh trong quá trình bảo dưỡng/ sửa chữa.
 - Đứng tên Chủ nguồn thải CTNH cho các loại CTNH phát sinh trong quá trình bảo dưỡng/ sửa chữa.
 - Gửi bản copy chứng từ CTNH sau khi đã hoàn tất việc xử lý cho Vietsovpetro.
 - Định kỳ hàng tháng gửi bản thống kê các loại chất thải đã được thu gom, xử lý về Vietsovpetro.
 - Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước về các vấn đề liên quan đến sai sót trong việc xử lý chất thải.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 8.1 Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dưới hình thức Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phát hành bởi một ngân hàng có uy tín và hợp pháp tại Việt Nam (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này) và được Bên A chấp nhận.
- 8.2 Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng **8% giá trị hợp đồng**. Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng: bao gồm thời gian thực hiện Hợp đồng và kéo dài cho tới khi Công việc được nghiệm thu, bàn giao cho Bên A.
- 8.3 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành giấy Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và gia hạn thời gian hiệu lực bảo lãnh do bên B chịu.
- 8.4 Bên B phải nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng bản gốc cho Bên A trong vòng **07 ngày làm việc** sau khi hợp đồng đã được ký kết để đảm bảo trách nhiệm thực hiện Hợp đồng của Bên B. Sau thời gian quy định này, nếu bên B không nộp bản gốc Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A thì hợp đồng này sẽ không có hiệu lực.
- 8.5 Trong thời gian quy định tại mục 8.4 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời gian quy định nói trên, Bên A không nhận được bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu của Bên B theo quy định tại điểm Mục - Chỉ dẫn nhà thầu của Hồ sơ mời thầu.
- 8.6 Trong trường hợp Công việc không hoàn tất theo tiến độ nêu ở Điều 2 [*Khối lượng công việc và thời hạn thực hiện hợp đồng*] thì Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh này vì lý do chậm thực hiện hoặc gia hạn thời hạn thực hiện đến khi Công việc được nghiệm thu, bàn giao và Bên B chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định, đồng thời gửi cho Bên A Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đã gia hạn hiệu lực (bản gốc) chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi Bảo lãnh cũ hết hiệu lực.
- 8.7 Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp bên B từ chối/ không nhận bàn giao giàn trong thời gian 30 ngày lịch kể từ "Ngày sẵn sàng bàn giao giàn"/ không thực hiện hợp đồng sau thời điểm hiệu lực của hợp đồng.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lốc xoáy, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt....
- 9.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện hợp đồng kèm chứng cứ chứng minh, các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 10 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 9.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 9.4 Trường hợp do hậu quả trực tiếp của sự kiện bất khả kháng mà một Bên trong Hợp Đồng không thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng này thì thời gian

thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.

- 9.5 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 03 tháng, mỗi bên đều có quyền đề xuất chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 9.6 Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ thực hiện công việc hoặc thực hiện công việc muộn. Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ VÀ BỒI THƯỜNG TỔN THẤT

- 10.1. Bên A đảm bảo cho Bên B và người của Bên B được miễn trách trước các cơ quan pháp luật và không phải bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí (kể cả chi phí pháp lý) nào đối với những hư hỏng, mất mát, thương tật, tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của Bên A với bất kỳ nguyên nhân gì kể cả do lỗi của Bên B (ngoại trừ do lỗi cố ý của Bên B) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.

Tuy nhiên Bên B có trách nhiệm bảo quản và trông coi máy móc, vật tư, trang thiết bị, tài sản của Bên A bàn giao cho Bên B trong suốt quá trình thi công, đồng thời Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi tổn thất, thiệt hại đối với tài sản của Bên A nếu do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng mà những tổn thất, thiệt hại đó không thuộc phạm vi bảo hiểm hoặc dưới mức miễn thường theo các đơn bảo hiểm của Bên A.

- 10.2. Bên B đảm bảo cho Bên A và người của Bên A được miễn trách trước các cơ quan pháp luật và không phải bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí (kể cả chi phí pháp lý) nào đối với những hư hỏng, mất mát, thương tật, tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của Bên B với bất kỳ nguyên nhân gì kể cả do lỗi của Bên A (ngoại trừ do lỗi cố ý của Bên A) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.
- 10.3. Tổn thất hậu quả: Không bên nào chịu trách nhiệm đối với bên kia và cả hai bên đồng ý biện hộ, bảo vệ và đảm bảo cho bên kia được miễn trách đối với tất cả những thiệt hại mang tính hậu quả phát sinh hay có liên quan đến việc thực hiện hay không thực hiện hợp đồng này bao gồm: việc mất cơ hội kinh doanh, thua lỗ, ngừng sản xuất, tổn thất sản phẩm, chi phí bảo hiểm.

ĐIỀU 11: BẢO HIỂM

Bên B phải mua và duy trì đơn bảo hiểm trong suốt thời hạn thực hiện hợp đồng cho con người, tài sản của bên B phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế, tối thiểu phải bao gồm các loại bảo hiểm và mức trách nhiệm như quy định dưới đây:

- 11.1. Bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng lao động / Bảo hiểm người lao động (Employer's Liability / Workmen's Compensation Insurance).
- 11.2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba, phạm vi bảo hiểm gồm: bảo hiểm thương tật và bảo hiểm thiệt hại vật chất đối với tài sản của bên thứ ba.
- 11.3. Bên B phải mua bảo hiểm cho các rủi ro mà thường vẫn được bảo hiểm đối với các Thiết bị phục vụ thi công (như thiết bị nâng, thiết bị áp lực, thiết bị cao thế...), bao gồm cả các phương tiện vận tải, do Bên B hay các nhà thầu phụ của mình sử dụng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, phù hợp với qui định của pháp luật.
- 11.4. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng này Bên B có sử dụng tàu (tàu của Bên B hoặc Bên B đi thuê) thì Bên B phải mua đơn bảo hiểm thân tàu và đơn bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu "P&I" theo các điều kiện bảo hiểm tiêu chuẩn như Institute Time Hull 1/10/83 (CL280) hoặc tương đương, các quy tắc bảo hiểm tiêu chuẩn của các Hội P&I thuộc nhóm Hội P&I Quốc tế.

- 11.5. Chậm nhất là 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B phải gửi cho Bên A các tài liệu làm bằng chứng về hiệu lực của những loại đơn bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Bên B theo qui định tại Điều 11.1 – 11.4 bao gồm bản sao đơn bảo hiểm, bằng chứng về việc thanh toán phí bảo hiểm và các tài liệu liên quan khác (nếu có);
- 11.6. Bên B phải tuân thủ những điều kiện quy định trong mỗi đơn bảo hiểm và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc không tuân thủ của mình.

ĐIỀU 12: TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

- 12.1 Bên A có quyền tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm về tiến độ, chất lượng, nhân sự ... và các nghĩa vụ khác của Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- 12.2 Thông báo sửa chữa, bảo hành
- Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành theo Hợp đồng, Bên A có thể thông báo yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa, bảo hành các sai sót, hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý và cụ thể.
 - Trong trường hợp Bên B không thực hiện các nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành quy định theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng, Bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện bằng chi phí của Bên B.
- 12.3 Tạm dừng thực hiện hợp đồng
- Các trường hợp tạm dừng hợp đồng:
 - + Do lỗi Bên A hoặc Bên B gây ra;
 - + Các trường hợp bất khả kháng;
 - + Các trường hợp khác do Hai bên thỏa thuận.
 - Bên A có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên B gây ra, nhưng phải thông báo cho Bên B biết bằng văn bản và cùng bàn bạc để giải quyết để thực hiện đúng Hợp đồng đã ký; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại.
 - Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do Hai bên thỏa thuận để khắc phục.
- 12.4 Chấm dứt hợp đồng
- Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong những trường hợp sau:
 - + Phát hiện Bên B bán thầu;
 - + Phát hiện Bên B có khả năng chậm tiến độ hoàn thành công việc so với tiến độ quy định tại Điều 2 mà lỗi do Bên B gây ra.
 - + Quá 30 ngày lịch kể từ "Ngày sẵn sàng bàn giao giàn" được nêu trong khoản 2.4 của hợp đồng này, mà Bên B không triển khai thực hiện nhận bàn giao giàn để thi công.
 - Bên A có quyền cắt một phần công việc khi phát hiện Bên B có khả năng chậm tiến độ phần công việc đó so với tiến độ quy định của hợp đồng do lỗi của Bên B. Bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện bằng chi phí của Bên B đối với phần công việc này.
 - Chậm tiến độ vượt quá 60 ngày do lỗi của Bên B: Trong trường hợp này nếu Bên B có văn bản giải trình xin ngừng thi công và được Bên A chấp nhận thì hai Bên sẽ tổ chức nghiệm thu khối lượng công việc Bên B đã hoàn thành, tiến hành thanh quyết toán khối lượng đã hoàn thành (theo đơn giá hợp đồng) cho Bên B và làm thủ tục

thanh lý hợp đồng, áp dụng các biện pháp chế tài theo hợp đồng. Nếu Bên B không có văn bản giải trình và xin dừng thi công thì Bên A sẽ đơn phương làm thủ tục chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng và áp dụng các biện pháp chế tài theo quy định của hợp đồng và quy định hiện hành.

12.5 Hủy bỏ hợp đồng:

- Trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định của hợp đồng, việc hủy bỏ hợp đồng được áp dụng trong các trường hợp sau:
 - + Xảy ra hành vi vi phạm mà các Bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng;
 - + Một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.
- Một Bên có quyền hủy bỏ Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi Bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho Bên kia biết về việc hủy bỏ Hợp đồng; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên kia, thì Bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.
- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các Bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền trên cơ sở biên bản thanh lý Hợp đồng.

ĐIỀU 13: CÁC HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG

Các tài liệu sau đây được coi là phần không tách rời của Hợp đồng:

13.1 Các phụ lục kèm theo Hợp đồng này bao gồm các tài liệu và theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc và Yêu cầu kỹ thuật, Biểu khối lượng và tổng hợp vật liệu, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;
- Phụ lục 2: Bảng tổng hợp giá trị và đơn giá chi tiết Hợp đồng.
- Phụ lục 3: Biên bản đàm phán và Quy trình/ Lưu đồ phối hợp
- Phụ lục 4: Danh mục Nhà xưởng, Thiết bị máy móc, vật tư, vật liệu thực hiện công việc và Bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu.
 - + Tất cả những thay đổi trong Danh mục này phải được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản và được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi đưa vào sử dụng cho các công việc của hợp đồng này.
- Phụ lục 5: Danh sách CBCNV (Nhân sự chủ chốt) tham gia thi công trên công trình. *(Danh sách nhân sự chủ chốt và danh sách Đốc công/ Giám sát an toàn thay thế được quy định trong Biên bản đàm phán tại Phụ lục 3 và Phụ lục 5 của hợp đồng này, là phần không tách rời của hợp đồng + Tất cả những thay đổi về Nhân sự chủ chốt trong Danh sách này phải được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản và được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi tham gia vào công việc của hợp đồng này)*
- Phụ lục 6: Bảng Tiến độ thực hiện và khối lượng chi tiết của Giai đoạn 1 và Tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng.
- Phụ lục 7: Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- Phụ lục 8: Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng.
- Phụ lục 9: Mẫu thư tín giao dịch thực hiện hợp đồng.
- Phụ lục 10: Thỏa thuận liên danh (nếu có).

- 13.2 E-Hồ sơ dự thầu kèm theo Đơn dự thầu số ngày/...../2026 thực hiện công việc “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL của Công ty
- 13.3 Hồ sơ mời thầu số DV-1500/26-KT1-VPL và các Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu kèm theo của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro v/v “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL .
- 13.4 Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số TUQ-...../TM ngày/...../2026 của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.
- 13.5 Bảo lãnh thực hiện bảo hành.
- 13.6 Các văn bản sửa đổi, bổ sung,
- 13.7 Các tài liệu có liên quan khác ...

ĐIỀU 14: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định của Hợp đồng này.
- 14.2 Trường hợp Bên B thực hiện công việc chậm (áp dụng tương tự cho Giai đoạn 1) so với thời hạn thực hiện công việc của hợp đồng do lỗi của mình thì Bên B phải chịu phạt 0,1%/ngày giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho 10 ngày chậm đầu tiên, phạt 0,2%/ngày từ ngày 11 trở đi. Tổng mức phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- Trong trường hợp Hợp đồng bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu mức phạt là 12% giá trị phần hợp đồng bị hủy bỏ tương ứng.
- Trường hợp nhà thầu chậm gia hạn hiệu lực bảo lãnh khi có yêu cầu của Vietsovpetro bằng văn bản: phạt 0,2% giá trị bảo lãnh/ mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt không vượt quá 8% giá trị bảo lãnh tương ứng.
- 14.3 Trường hợp CBCNV của Bên B vi phạm các quy định về công tác an toàn, sức khỏe môi trường theo các Quy chế, Quy định ghi tại Điều 7 của hợp đồng trong quá trình thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp các công việc theo phạm vi quy định của hợp đồng, gây ảnh hưởng đến công tác an toàn sản xuất trên các công trình của Vietsovpetro thì Bên A có quyền:
- Không tiếp nhận và cho phép làm việc đối với các CBCNV của Bên B đã vi phạm công tác an toàn trên các công trình của Bên A.
 - Bên B phải đưa ra các biện pháp xử lý rút kinh nghiệm, khắc phục, cam kết không tái phạm, biện pháp kiểm soát chặt chẽ nhân viên của đơn vị mình và tuân thủ nghiêm ngặt công tác an toàn theo quy định hiện hành.
 - Đối với mỗi trường hợp CBCNV của Bên B vi phạm, tùy theo mức độ và tính chất nghiêm trọng của vụ việc (căn cứ vào biên bản xử lý vi phạm của Vietsovpetro), Bên A sẽ xem xét và tiến hành phạt theo hình thức khấu trừ vào giá trị quyết toán của hợp đồng:
 - + Đối với trường hợp CBCNV của Bên B vi phạm lần thứ 1 thì Bên B phải chịu phạt mức 1% giá trị hợp đồng.
 - + Đối với trường hợp CBCNV của Bên B vi phạm lần thứ 2 trở lên thì Bên B phải chịu phạt mức 2% giá trị hợp đồng / 1 trường hợp.
 - + Tổng mức phạt không quá 12% giá trị hợp đồng.
- 14.4 Trường hợp có các vấn đề tranh chấp hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết hoặc thông qua Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt

Nam tại Hà Nội để phân xử theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Quyết định của Trung tâm là quyết định cuối cùng, buộc hai Bên phải tuân thủ. Chi phí phát sinh liên quan tới tranh chấp và án phí do Bên thu kiện chịu.

- 14.5 Các vấn đề còn lại không đề cập trong hợp đồng này hai bên sẽ thi hành theo luật pháp hiện hành của Việt Nam.
- 14.6 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với hợp đồng này đều phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc theo số Fax tới địa chỉ đăng ký hoặc số Fax của mỗi Bên đã ghi trong hợp đồng và email đến địa chỉ email theo mẫu Phụ lục số 9 (a, b) kèm theo.
- 14.7 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên A nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B nhưng không muộn hơn 7 ngày làm việc so với ngày được ghi trên Hợp đồng đến hết thời hạn bảo hành qui định tại khoản 5.4 - Điều 5. Sau khi quyết toán và thời hạn bảo hành trên 30 ngày, nếu hai bên không có ý kiến bằng văn bản thì xem như hợp đồng được thanh lý.
- 14.8 Hợp đồng này gồm trang và 10 phụ lục (..... trang, theo thứ tự các phụ lục được ghi tại Điều 13, Khoản 13.1), được làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 1

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

PHẠM VI CÔNG VIỆC & YÊU CẦU KỸ THUẬT, BIỂU KHỐI LƯỢNG CHỐNG ĂN MÒN VÀ TỔNG HỢP VẬT LIỆU, HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Phạm vi công việc và Yêu cầu kỹ thuật, Biểu khối lượng, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Công trình quy định ở Phụ lục này phù hợp với:

- Phạm vi công việc và Yêu cầu kỹ thuật đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt.
- Biểu khối lượng sửa chữa, cải tạo, chống ăn mòn và tổng hợp vật liệu, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của công việc: “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt tại các Quyết định 1345/QĐSX-XDCB ngày 22/09/2025 .
- E-Hồ sơ mời thầu số “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” – DV-1500/26-KT1-VPL đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày/...../2026.
- E-Hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

PHỤ LỤC 2

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ VÀ ĐƠN GIÁ CHI TIẾT HỢP ĐỒNG

*** Mức thuế GTGT áp dụng theo quy định để chào giá dự thầu là 8%**

PHỤ LỤC 3

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

BIÊN BẢN ĐÀM PHÁN & QUY TRÌNH/ LƯU ĐỒ PHỐI HỢP

- 1) Biên bản đàm phán số-1/26-BC-PTM/BMĐH ngày/...../2026 v/v “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” đã được Tổng giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày/...../2026.
- 2) Quy trình/ Lưu đồ phối hợp kiểm soát công việc giữa nhà thầu và các Phòng/Ban, Đơn vị, Nhóm giám sát của Vietsovpetro khi triển khai công việc thi công thực tế.

PHỤ LỤC 4

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

DANH MỤC NHÀ XƯỞNG, THIẾT BỊ MÁY MÓC, VẬT TƯ, VẬT LIỆU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC VÀ BẢN CAM KẾT CUNG CẤP VẬT TƯ, VẬT LIỆU

Danh mục Nhà xưởng, Thiết bị máy móc, vật tư, vật liệu thực hiện công việc và Bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu đính kèm hợp đồng này phù hợp với:

- 1) Danh mục Nhà xưởng, Thiết bị máy móc,
- 2) Danh mục vật tư, vật liệu công trình,
- 3) Bản cam kết cung cấp vật tư, vật liệu thực hiện công việc

Theo E-Hồ sơ dự thầu của nhà thầu được Vietsovpetro xem xét chấp thuận.

Tất cả những thay đổi trong Danh mục này phải được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản và được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi đưa vào sử dụng cho các công việc của hợp đồng này.

- 4) Lưu đồ kiểm soát vật tư sửa chữa Giàn.

PHỤ LỤC 5

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

DANH SÁCH CBCNV THAM GIA THI CÔNG TRÊN CÔNG TRÌNH

- Danh sách CBCNV (Nhân sự chủ chốt) tham gia thi công trên công trình với trình độ chuyên môn và các bằng cấp, chứng chỉ liên quan đáp ứng yêu cầu theo quy định ở Phụ lục này phù hợp với E-Hồ sơ dự thầu của nhà thầu.
- Danh sách nhân sự chủ chốt và danh sách đốc công/ Giám sát an toàn thay thế được quy định trong Biên bản đàm phán tại Phụ lục 3 và Phụ lục 5 của hợp đồng này, là phần không tách rời của hợp đồng.
- **Tất cả những thay đổi về Nhân sự chủ chốt trong Danh sách này phải được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản và được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi tham gia vào công việc của hợp đồng này.**

PHỤ LỤC 6

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

BẢNG TIẾN ĐỘ CHI TIẾT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng quy định ở Phụ lục này phù hợp với Hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

Tổng tiến độ thực hiện Công việc của hợp đồng: ngày, trong đó bao gồm:

1) Phần công việc “Chống ăn mòn theo Biểu thiết kế”: trong vòng ngày:

- i) Thời gian thi công trên bờ/ biển là: ngày, với số lượng nhân công thi công trên giàn là người (gồm công nhân và 01 đốc công), kể từ “ngày bắt đầu” đến “ngày hoàn thành” công việc như quy định trong hợp đồng.

Tiến độ thực hiện công việc của Giai đoạn 1 là: ngày (*không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ*).

Ngày bắt đầu và ngày hoàn thành công việc sửa chữa phải ghi trong biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

- ii) Thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình/ hồ sơ hoàn công là: **30 ngày**, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản tiền nghiệm thu.

2) Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”: trong vòng ngày:

- i) Thời gian thực hiện công việc chống ăn mòn trên biển: ngày kể từ thời gian sau khi kết thúc hoàn thành khối lượng công việc sửa chữa & chống ăn mòn theo Biểu thiết kế với số lượng công nhân thực hiện là người.

Ngày bắt đầu và ngày hoàn thành công việc phải được ghi trong Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn.

- ii) Thời gian hoàn thiện Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và hồ sơ liên quan: **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc công việc.

(*không bao gồm thời gian gián đoạn theo quy định của hợp đồng*)

PHỤ LỤC 7

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

MẪU THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi:

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) **phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).**

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản tiếng Việt và không được phép chuyển nhượng.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

*** Trong trường hợp đến ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc chưa được Lãnh đạo Bên A phê duyệt, nhà thầu phải thực hiện gia hạn thời hạn Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.**

PHỤ LỤC 8

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

MẪU BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng số _____, _____ [*Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] ở _____ [*Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽¹⁾*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro, **đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước**, thanh toán cho Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro một khoản tiền không vượt quá _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa nhà thầu và Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 3 (Giá trị hợp đồng và thanh toán) của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới khi Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

*** Trong trường hợp đến ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ Công việc chưa được Lãnh đạo Bên A phê duyệt, nhà thầu phải thực hiện gia hạn thời hạn Bảo lãnh tiền tạm ứng.**

PHỤ LỤC 9
đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....
(..... trang kể cả trang này)

MẪU SỐ 9 (A)
MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro/ Nhà thầu.
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: **Ông Trần Quốc Thắng**
Phó Tổng giám đốc Thương mại,

Sao gửi: **Bà Nguyễn Thị Vân Anh**
Trưởng phòng Thương mại VSP

Email: vspadmin@vietsov.com.vn
thanhng.hq@vietsov.com.vn
linhvp.hq@vietsov.com.vn

(Ghi nội dung giao dịch về: Thay đổi về Hàng hóa/Dịch vụ, tiền độ, sử dụng Quota, các nội dung liên quan tới giá trị HĐ, thanh toán.....)

ĐẠI DIỆN BÊN
(Ký tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 9 (B)
MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro/Nhà thầu.
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: Phòng Thương mại VSP/ XN Dịch vụ Cảng và CUVTTB/ Đơn vị thực hiện dịch vụ/ xây lắp.

Email: vspadmin@vietsov.com.vn
thanhng.hq@vietsov.com.vn
linhvp.hq@vietsov.com.vn

(Ghi nội dung giao dịch về: Thông báo giao hàng, gửi chứng từ hàng hóa, thông báo bắt đầu thực hiện DV/XL, thông tin về nhân sự/thiết bị thực hiện DV/XL....)

ĐẠI DIỆN BÊN
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 10

đính kèm Hợp đồng số:/26/T-N3/KT1-.....

(..... trang kể cả trang này)

THỎA THUẬN LIÊN DANH *(nếu có)*

Phần 4. PHỤ LỤC

- 1) **Phụ lục 1 : Yêu cầu kỹ thuật, Thuyết minh kỹ thuật (Chỉ dẫn kỹ thuật) và Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công của gói thầu:** "*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*" - DV-1500/26-KT1-VPL .
Yêu cầu kỹ thuật gói thầu “ Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên giàn MSP-9” đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026 và các Biểu mẫu + Phụ lục kèm theo.
- 2) **Phụ lục 2 : Bảng khối lượng mời thầu**
 - a) Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0):
 - Bảng khối lượng mời thầu Chống ăn mòn KCKL + Biểu khuyết tật.
Yêu cầu nhà thầu chào đúng, đủ và chính xác đơn vị tính theo Bảng khối lượng mời thầu chi tiết.
 - b) Typical Engineering Documentation No. VSP-NIPI-TYP-GE-AC7-SP-12.
 - c) Typical Engineering Documentation No. VSP-NIPI-TYP-GE-AC7-SP-10.
- 3) **Phụ lục 3 : Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật gói thầu “Phục hồi lớp sơn chống ăn mòn trên giàn MSP-9” đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 15/04/2026.**
- 4) **Phụ lục 4 : Bảng tổng hợp giá dự thầu (Mẫu số 20):**
 - Bảng tổng hợp chung giá dự thầu.
 - Phần chào giá hạng mục công việc theo Biểu số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0);
 - Phần chào giá đối với Phần công việc “Bảo dưỡng chống ăn mòn cục bộ thiết bị, đường ống, kết cấu kim loại theo chỉ dẫn của Giàn”.

Ghi chú:

- Nhà thầu thực hiện phạm vi công việc theo đúng yêu cầu của Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Yêu cầu kỹ thuật, Bảng khối lượng và các yêu cầu quy định trong phần thuyết minh của gói thầu “*Phục hồi chống ăn mòn kết cấu kim loại thượng tầng giàn MSP-9 (MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 rev.0)*” - DV-1500/26-KT1-VPL đã được Tổng giám đốc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro phê duyệt tại:
 - + Quyết định số 1345/QĐSX-XDCB ngày 22/09/2025 ; Biểu dự toán số MSP9.BK18A-213-TS.MSP9-CE5-CE-001 (Rev.0);